

明
道
家
訓

MINH ĐẠO GIA HUẤN

明道家訓

傳
TRUYỀN
家
GIA
萬
VẠN
事
SỰ
皆
GIAI
由
DO
忍
NHẪN

MINH
ĐẠO
GIA
HUẤN

Bảo ban nhà cửa muôn điều đều phải
NHƯỜNG NHỊN
Dạy dỗ cháu con nghìn cách không ngoài
SIÊNG NĂNG

教
GIÁO
子
TỬ
千
THIÊN
方
PHƯƠNG
不
BẤT
外
NGOẠI
勤
CẦN



Biên tập Hán văn từ các bản sách xưa

Dịch thơ:
Hải Nam - Đoàn Như Khuê

Ngày lành mùa đông năm Đinh Dậu 2017
Đệ tử Học Phật
cung kính soạn thuật

File pdf sách Minh Đạo Gia Huấn:
<https://www.facebook.com/HocPhatNiemPhat/posts/275753552954983>

*Kính biểu khắp muôn nơi!
Hoan nghênh sao lưu, chia sẻ, in tặng!*

人生百藝

Nhân sinh bách nghệ,
NGƯỜI SỐNG TRĂM NGHỀ
Cuộc sống có hàng trăm nghề,

文學爲先

Văn học vi tiên,
VĂN HỌC LÀM TRƯỚC
Phải lấy việc học làm đầu,

儒士是珍

Nho sĩ thị trân,
NHO SĨ LÀ QUÝ
Người có học vấn là vốn quý rất đáng trọng,

詩書是寶

Thi thư thị bảo.
THƠ SÁCH LÀ BÁU
Kiến thức trong sách là vật báu rất đáng quý.

Người ta có đủ trăm nghề,
Lấy nghề văn học làm nghề đầu tiên,
Quý thay những bậc nho hiền,
Báu thay sách vở lưu truyền xưa nay.

古者聖賢

Cổ giả Thánh Hiền,

XU A ẤY THÁNH HIỀN

Từ xưa các bậc Thánh nhân Hiền triết,

易子而教

Dịch tử nhi giáo,

ĐỔI CON MÀ DẠY

Trao đổi con với nhau để dạy, con mới nên người,

德行純和

Đức hạnh thuần hòa,

ĐỨC HẠNH THUẦN HOÀ

Những người đức hạnh, thành thực, ôn hoà,

擇爲師友

Trạch vi sư hữu.

CHỌN LÀM THẦY BẠN

Đáng chọn làm thầy làm bạn, để học để noi theo.

Bậc Hiền Thánh xem ngay trong sách,

Khéo dạy con tìm cách đổi thay,

Đón làm bạn, rước làm thầy,

Chọn người có đức, hạnh hay thuần hoà.

養而不教

Dưỡng nhi bất giáo,

NUÔI MÀ CHẲNG DẠY

Nuôi con mà không dạy đến nơi đến chốn,

乃父之過

Nãi phụ chi quá,

BÈN CHA CHUNG LỖI

Là lỗi của cha mẹ [thiếu trách nhiệm],

教而不嚴

Giáo nhi bất nghiêm,

DẠY MÀ KHÔNG NGHIÊM

Dạy học trò không nghiêm,

乃師之惰

Nãi sư chi nọa,

BÈN THẦY CHUNG LƯỜI

Là thầy cô lười biếng [thiếu nhiệt tâm],

Có con cái, nuôi mà không dạy,

Lỗi tại ai? Lỗi ấy tại cha,

Dạy không nghiêm nghị nét na,

Biếng lười lỗi ấy xem ra tại thầy.

學問不勤

Học vấn bất cần,
HỌC HỎI CHẴNG SIÊNG
Học hành không siêng năng chăm chỉ,

乃子之惡

Nãi tử chi ác.
BÈN CON CHUNG XẤU
Là đứa con hư [thiếu ý chí nghị lực].

後從先覺

Hậu tông tiên giác,
SAU THEO TRƯỚC BIẾT
Người sau học hỏi theo người am hiểu trước,

鑑古知今

Giám cổ tri kim.
SOI XƯA BIẾT NAY
Soi xét việc đời xưa để biết việc đời nay.

**Sự học vấn đêm ngày biếng nhác,
Hẳn tại con tội ác đó thôi.**

4

**Việc sau lấy trước mà coi,
Đem gương dĩ vãng mà soi hiện thì.**

學有三心

Học hữu tam tâm,
HỌC CÓ BA NIỀM
Việc học có ba điều cốt yếu,

不可失一

Bất khả thất nhất,
KHÔNG THỂ MẤT MỘT
Không thể thiếu mất một:

父母厚寔

Phụ mẫu hậu thực,
CHA MẸ HIỀN THẬT
Cha mẹ phúc hậu thật thà, luôn quan tâm chăm lo cho con, (1)

子學勤敏

Tử học cần mẫn,
CON HỌC SIÊNG GẮNG
Bản thân con phải cố gắng chăm chỉ học hành, (2)

嚴師作成

Nghiêm sư tác thành.
THẦY NGHIÊM LÀM NÊN
Thầy cô nghiêm nghị tâm huyết, dạy học trò nên người. (3)

人有三情

Nhân hữu tam tình,

NGƯỜI CÓ BA TÌNH

Người ta có ba ân tình,

可事如一

Khả sự như nhất,

KHÁ THỜ NHƯ MỘT

Nên tôn thờ như một:

非父不生

Phi phụ bất sinh,

KHÔNG CHA CHẲNG SINH

Không có cha mẹ thì chẳng ai sinh ra mình, (1)

非君不榮

Phi quân bất vinh,

KHÔNG VUA CHẲNG VINH

Không có Tổ Quốc (*vua*) thì chẳng được vinh quang, (2)

非師不成

Phi sư bất thành.

KHÔNG THẦY CHẲNG NÊN

Không có thầy thì chẳng thể làm nên. (3)



5

Học có những điều gì then chốt?
Có ba điều thiếu một sao nên,
Mẹ cha phúc hậu thảo hiền,
Thầy chăm dạy dỗ, con siêng học hành.

6

Lại còn có ba tình ân ái,
Phụng thờ chung mà phải kính chung,
Cha sinh nghĩa nặng nghìn trùng,
Vua ơn vinh hiển, thầy công tác thành.

有道德者

Hữu đạo đức giả,
CÓ ĐẠO ĐỨC ẤY
Ông cha sống đạo đức lương thiện,

子孫聰明

Tử tôn thông minh,
CON CHÁU THÔNG MINH
Sinh ra con cháu thông minh sáng láng,

無道德者

Vô đạo đức giả,
KHÔNG ĐẠO ĐỨC ẤY
Ông cha sống vô đức bất lương,

子孫愚昧

Tử tôn ngu muội.
CON CHÁU NGU TỐI
Sinh ra con cháu ngu si tăm tối.

Nhà đạo đức hiền lành phúc hậu,
Sinh ra con, ra cháu thông minh,
Nhà không phúc hậu hiền lành,
Sinh ra con cháu dễ thành ngu si.

養男不教

Dưỡng nam bất giáo,
NUÔI TRAI KHÔNG DẠY
Nuôi con trai mà không dạy,

不如養驢

Bất như dưỡng lư,
CHẲNG BẰNG NUÔI LỪA
Chẳng bằng nuôi con lừa,

養女不教

Dưỡng nữ bất giáo,
NUÔI GÁI KHÔNG DẠY
Nuôi con gái mà không dạy,

不如養豬

Bất như dưỡng trư.
CHẲNG BẰNG NUÔI LỢN
Chẳng bằng nuôi con lợn.

Nuôi con trai không hề dạy dỗ,
Nuôi con lừa còn có ích hơn,
Gái không dạy khéo, dạy khôn,
Nuôi con lợn béo bán buôn còn lời.

訓導之初

Huấn đạo chi sơ,

DẠY BẢO KHI MỚI
Việc dạy trẻ lúc ban đầu,

先取禮法

Tiên thủ lễ pháp,

TRƯỚC LẤY LỄ PHÉP
Trước hết phải dạy lễ phép,

不知問答

Bất tri vấn đáp,

KHÔNG BIẾT HỎI ĐÁP
Chẳng biết nói năng thưa gửi,

是爲愚粗

Thị vi ngu thô.

ẤY LÀ NGU THÔ
Đó là đứa ngu dốt vụng về.

Sự giáo huấn người đời cần biết,
Buổi đầu nên phải biết lễ nghi,
Nói thưa chẳng biết điều gì,
Là phường thô莽 ngu si kém hèn.

不 教 而 善

Bất giáo nhi thiện,
KHÔNG DẠY MÀ GIỎI
Không được dạy mà tự thông hiểu,

非 聖 而 何

Phi Thánh nhi hà?
CHẲNG THÁNH HAY SAO
Chẳng phải là bậc Thánh hay sao? (THÁNH)

教 而 後 善

Giáo nhi hậu thiện,
DẠY MÀ SAU GIỎI
Được dạy rồi thông hiểu,

非 賢 而 何

Phi Hiền nhi hà?
CHẲNG HIỀN HAY SAO
Chẳng phải là người Hiền hay sao? (HIỀN)

Chẳng dạy bảo tự nhiên hiểu biết,
Thánh sinh tri hơn hết trên đời,
Dạy mà nên đức nên tài,
Bậc người đáng gọi là người Hiền nhân.

教亦不善

Giáo diệc bất thiện,

DAY CŨNG CHẲNG BIẾT

Dạy cũng chẳng biết,

非愚而何

Phi ngu nhi hà?

CHẲNG NGU HAY SAO

Chẳng phải là loại ngu dốt hay sao? (NGU)

困而知之

Khốn nhi tri chi,

KHÓ MÀ BIẾT ĐẤY

Hoàn cảnh khó khăn, ít được học mà vẫn hiểu biết,

非智而何

Phi trí nhi hà?

CHẲNG TRÍ HAY SAO

Chẳng phải là người có trí khôn ngoan hay sao? (TRÍ)

Còn dạy cứ chân chân ra đây,

Chính hạ ngu hạng ấy kể gì,

Có người chịu khốn nhi tri,

Dẫu không Hiền Thánh, cũng thì khôn ngoan.

有田不耕

Hữu điền bất canh,
CÓ RUỘNG CHẲNG CÀY
Có ruộng bỏ hoang chẳng cấy cày,

倉廩空虛

Thương lẫm không hữ,
KHO ĐỤN TRỐNG RỎNG
Kho đụn trống rỗng, thóc gạo thiếu thốn,

有書不教

Hữu thư bất giáo,
CÓ SÁCH CHẲNG DẠY
Có sách hay mà không dạy,

子孫頑愚

Tử tôn ngoan ngu,
CON CHÁU GÀN NGU
Con cháu sẽ ngu dốt ngang ngạnh,

11

Có ruộng chẳng lo toan cấy cày,
Kho đụn kia bỗng thấy không hữ,
Trong nhà có sách để thờ,
Trí khôn con cháu bao giờ mở mang.

倉廩空兮

Thương lâm không hề,

KHO ĐỰNG KHÔNG VẬY

Kho đựng mà trống rỗng,

歲時乏食

Tuế thì phạp thực,

NĂM THỜI THIẾU ĂN

Sẽ đói kém thiếu ăn,

子孫愚兮

Tử tôn ngu hề,

CON CHÁU NGU VẬY

Con cháu mà ngu dốt ngang ngạnh,

禮義全無

Lễ nghĩa toàn vô.

LỄ NGHĨA ĐỀU KHÔNG

Thì chẳng biết lễ phép nhân nghĩa.

Kho rỗng tuếch, cơ hàn trông thấy,

Dôi tháng ngày thóc lấy đâu ra,

Con ngu cháu ngốc một nhà,

Còn gì văn phép gọi là lễ nghi.

凡人學

Phàm nhân bất học,

PHÀM NGƯỜI CHẲNG HỌC

Người mà không có học,

冥如夜行

Minh như dạ hành,

MỜ NHƯ ĐÊM ĐI

Đầu óc sẽ mờ mịt như đi trong đêm tối,

聽詩如聾

Thính thi như tủng,

NGHE THƠ NHƯ Điếc

Nghe thơ như bị điếc, chẳng hiểu gì,

望字如盲

Vọng tự như manh.

TRÔNG CHỮ NHƯ MÙ

Nhìn chữ như bị mù, chẳng biết gì,

Người chẳng học nhiều bề chịu thiệt,
Như ban đêm mờ mịt mà đi,
Sách nghe điếc chẳng thấy chi,
Chữ trông mù tịt khác gì thông manh.

幼而勤學

Ấu nhi cần học,
NHỎ MÀ CHĂM HỌC
Lúc nhỏ tuổi chăm chỉ học tập,

長則施行

Trưởng tắc thi hành,
LỚN THỜI RA LÀM
Khi lớn lên mới có kiến thức để làm việc,

正心修身

Chính tâm tu thân,
NGAY TÂM SỬA MÌNH
Giữ tâm lòng ngay thẳng, sửa mình rèn đức luyện tài,

齊家治國

Tề gia trị quốc.
YÊN NHÀ TRỊ NƯỚC
Trong có thể yên ổn gia đình, ngoài có thể giúp ích cho xã hội.

Ngày còn bé học hành mải miết,
Lớn đem ra công việc thi hành,
Ngay lòng rồi đến sửa mình,
Tề gia rồi đến trị bình suy ra.

士修於家

Sĩ tu ư gia,

SĨ SỬA CHUNG NHÀ

Học trò ở nhà rèn giũa mình cho giỏi,

自升於國

Tự thăng ư quốc,

TỰ LÊN CHUNG NƯỚC

Tự phấn đấu thành tài sẽ nổi danh khắp nước,

科目朝爵

Khoa mục triều tước,

KHOA MỤC TRIỀU TƯỚC

Những người thi cử đỗ đạt, có địa vị trong xã hội,

有讀書人

Hữu độc thư nhân.

CÓ ĐỌC SÁCH NGƯỜI

Vốn đều là những người có học.

Học trò sửa tự nhà mình trước,
Rồi đến làng đến nước dần dần,
Trong triều mũ áo đai cân,
Nhiều người đọc sách dự phần ở trong.

貧而勤學

Bần nhi cần học,

NGHÈO MÀ CHĂM HỌC

Nhà nghèo mà chăm chỉ học hành,

可以立身

Khả dĩ lập thân,

KHÁ LẤY DỰNG MÌNH

Có thể lập thân gây dựng sự nghiệp,

富而勤學

Phú nhi cần học,

GIÀU MÀ CHĂM HỌC

Nhà giàu mà chăm chỉ học hành,

益榮其名

Ích vinh kì danh.

CÀNG VANG THỬA TIẾNG

Thanh danh càng được vẻ vang.

**Nghèo chăm học chóng mau thành đạt,
Giàu mà chăm vang khắp thanh danh,**

開卷有益

Khai quyển hữu ích,
MỞ QUYỂN CÓ ÍCH
Mở quyển sách ra đọc sẽ có ích,

志者竟成

Chí giả cánh thành.
CHÍ ẤY TRỌN NÊN
Người có chí sẽ làm nên.

博學廣問

Bác học quảng vấn,
RỘNG HỌC RỘNG HỎI
Học hỏi càng nhiều,

其智益明

Kì trí ích minh,
THỪA TRÍ CÀNG SÁNG
Trí tuệ càng sáng suốt,

Ích gì bằng sự học hành,
Có câu “hữu chí cánh thành” xưa nay.

16

Sự học vấn ngày càng rộng rãi,
Trí não mình sáng mãi thêm ra,

不 恥 下 問

Bất sỉ hạ vấn,

KHÔNG THẸN DƯỚI HỎI

Không nên hổ thẹn khi học hỏi người dưới,

義 理 益 精

Nghĩa lý ích tinh,

NGHĨA LÝ CÀNG TÌNH

Nghĩa lý càng tinh thông,

獨 學 無 友

Độc học vô hữu,

ĐỘC HỌC KHÔNG BẠN

Học mà không có bạn, bảo thủ cố chấp,

孤 陋 寡 聞

Cô lậu quả văn.

HẠN HẸP ÍT NGHE

Kiến thức sẽ nông cạn, kém cỏi, hạn hẹp.

Thẹn gì hỏi kẻ dưới ta,
Hỏi nhiều, nghĩa lý dần dà càng tinh,
Nếu mình chỉ cậy mình là giỏi,
Chẳng bạn bè trợ trợ một mình,
Còn ai khuyên nhủ điều lành,
Kiến văn cô lậu, học hành ra chi.

人有五倫

Nhân hữu ngũ luân,

NGƯỜI CÓ NĂM LUÂN

Người đời có 5 mối quan hệ [vua - tôi, cha - con, chồng - vợ, anh - em, bè - bạn] gọi là "ngũ luân", (*ngày nay hiểu theo nghĩa: vua là Tổ Quốc, Nhà Nước, tôi là công dân*)

綱常爲首

Cương thường vi thủ,

CƯƠNG THƯỜNG LÀM ĐẦU

Ba mối quan hệ cơ bản [vua - tôi, cha - con, chồng - vợ] gọi là "tam cương", năm đức tính cơ bản của đạo làm người [nhân, nghĩa, lễ, trí, tín] gọi là "ngũ thường", làm người phải luôn giữ trọn đạo "cương thường".

不知綱常

Bất tri cương thường,

KHÔNG BIẾT CƯƠNG THƯỜNG

Người mà không giữ đạo cương thường,

何異禽獸

Hà dị cầm thú.

SAO KHÁC CẦM THÚ

Khác gì loài cầm thú.

Người có những điều gì là quý,
Có năm điều luân lý đạo thường,
Người mà không biết luân thường,
Là loài chim chóc, là phường trâu dê.

蜂 蟻 有 主

Phong nghĩ hữu chúa,
ONG KIẾN CÓ CHÚA
Loài ong loài kiến còn có chúa,

況 于 人 乎

Huống vu nhân hồ!
PHƯƠNG CHUNG NGƯỜI ỒI
Huống chỉ là loài người!

三 綱 九 疇

Tam cương cửu trù,
BA CƯƠNG CHÍN TRÙ
"Tam cương" cùng với "cửu trù",
(Cửu trù là 9 khuôn phép trị nước thời cổ, cũng như Hiến Pháp Nhà Nước thời nay)

古 今 不 易

Cổ kim bất dịch.
XƯA NAY KHÔNG ĐỔI
Xưa nay không bao giờ thay đổi.

**Xem ong kiến kia kia vật nhỏ,
Đạo dưới trên còn có nữa người,
Cương trù đạo lý của trời,
Bất di bất dịch ở đời xưa nay.**

爲君止敬

Vi quân chỉ kính,

LÀM VUA CHỈ KÍNH

Làm vua phải vờ về trọng dụng bề tôi (KÍNH)

(Nay hiểu là: Nhà Nước phải biết trọng dụng nhân tài, chăm lo cho dân)

爲臣止忠

Vi thần chỉ trung,

LÀM TÔI CHỈ NGAY

Làm bề tôi phải dốc lòng làm tròn bốn phận (TRUNG)

(Nay hiểu là: Làm công dân phải yêu nước, sẵn sàng vì Tổ Quốc)

爲父止慈

Vi phụ chỉ từ,

LÀM CHA CHỈ HIỀN

Làm cha mẹ phải rất mực yêu thương con (TỪ)

爲子止孝

Vi tử chỉ hiếu,

LÀM CON CHỈ THẢO

Làm con phải hết lòng phụng dưỡng cha mẹ (HIẾU)

Vua ở kính, tôi nay nay phải đạo,

Cha yêu con, con hiếu với cha,

爲兄止愛

Vi huynh chỉ ái,

LÀM ANH CHỈ YÊU

Làm anh chỉ phải yêu thương em (ÁI)

爲弟止恭

Vi đệ chỉ cung,

LÀM EM CHỈ KÍNH

Làm em phải thật lòng kính trọng anh chị (CUNG)

爲夫止和

Vi phu chỉ hòa,

LÀM CHỒNG CHỈ HOÀ

Làm chồng phải hoà hợp, đồng cảm cùng vợ (HOÀ)

爲婦止順

Vi phụ chỉ thuận,

LÀM VỢ CHỈ THUẬN

Làm vợ phải thuận theo chồng (THUẬN)

Vợ chồng trên dưới thuận hòa,
Anh em cung kính trong nhà thân yêu,

朋友止信

Bằng hữu chỉ tín,
BÈ BẠN CHỈ TIN
Bạn bè phải thật tin nhau (TÍN)

長幼止謙

Trưởng ấu chỉ khiêm,
LỚN NHỎ CHỈ KHIÊM
Trên dưới, lớn nhỏ phải biết khiêm nhường (KHIÊM)

鄉黨止和

Hương đảng chỉ hòa,
LÀNG XÓM CHỈ HOÀ
Làng xóm phải giữ hoà khí (HOÀ)

鄰旁止讓

Lân bàng chỉ nhượng.
LÁNG GIỀNG CHỈ NHƯỜNG
Láng giềng phải nhường nhịn nhau (NHƯỜNG)

Bạn bè phải giữ điều tín thực,
Lớn bé nên giữ mực nhún nhường,
Hòa vui trong họ ngoài làng,
Phải nhân nhượng cả lân bàng đôi nơi.

行者讓路

Hành giả nhường lộ,
ĐI ẤY NHƯỜNG ĐƯỜNG
Đi đường nhường bước,

耕者讓畔

Canh giả nhường bạn,
CÀY ẤY NHƯỜNG BỜ
Cày ruộng nhường bờ,

過關則下

Quá khuyết tắc hạ,
QUA CỔNG THỜI XUỐNG
Qua cổng xuống xe,

過廟則趨

Quá miếu tắc xu.
QUA MIẾU THỜI RẢO
Qua nơi đền miếu tôn nghiêm phải đi mau.

Đi đường phải nhường người bước trước,
Cày ruộng nên nhường nước ruộng bờ,
Rảo chân qua chón miếu thờ,
Ngựa qua cửa khuyết bao giờ xuống ngay.

出 入 起 居

Xuất nhập khởi cư,
RA VÀO DẬY Ở
Phong thái đi lại đứng ngồi,

非 禮 不 整

Phi lễ bất chỉnh,
KHÔNG LỄ KHÔNG CHỈNH
Trái lễ phép thì không được tề chỉnh,

言 語 飲 食

Ngôn ngữ ẩm thực,
NÓI NĂNG UỐNG ĂN
Cách thức nói năng ăn uống,

非 禮 不 肅

Phi lễ bất túc.
KHÔNG LỄ KHÔNG NGHIÊM
Trái lễ phép thì không được trang nghiêm.

Lúc cư xử vào đây ra đó,
Chẳng lẽ nghi sao có chỉnh tề,
Nói năng, ăn uống thường lễ,
Nếu không có lễ, kém bề nghiêm trang.

修身寡慾

Tu thân quả dục,

SỬA MÌNH ÍT HAM

Tự rèn giữa sửa mình ít lòng ham muốn,

勤儉齊家

Cần kiệm tề gia,

SIÊNG DÈ YÊN NHÀ

Siêng năng tiết kiệm để yên ổn cửa nhà,

禁止奢華

Cấm chỉ xa hoa,

CẤM NGĂN XA PHÍ

Ngăn ngừa sự xa hoa hoang phí,

須防後用

Tu phòng hậu dụng.

NÊN PHÒNG SAU DÙNG

Nên dành dụm tiền của, khi cần đến để dùng.

Sửa mình phải ít đường thị dục,
Kiệm với cần là gốc tề gia,
Trong nhà cấm chỉ sa hoa,
Để dành tiền của sau ta tiêu dùng.

得榮思辱

Đắc vinh tư nhục,

ĐƯỢC VINH NGHĨ NHỤC

Được khi vinh dự vẻ vang phải nghĩ đến lúc sa cơ tủi nhục,

居安思危

Cư an tư nguy,

Ở YÊN NGHĨ NGUY

Cuộc sống bình yên phải nghĩ phòng khi biến động nguy khốn,

道高德重

Đạo cao đức trọng,

ĐẠO CAO ĐỨC TRỌNG

Người quý ở nhân phẩm đạo đức,

不恥弊衣

Bất sỉ tệ y.

CHẲNG THẸN RÁCH ÁO

Chẳng phải hổ thẹn vì cái vẻ ngoài không sang trọng.

Được khi vinh nên phòng khi nhục,

Được lúc yên nghĩ lúc nguy nan,

Đạo cao đức trọng vẻ vang,

Mặc manh áo cũ rách toang thẹn gì.

積穀防饑

Tích cốc phòng cơ,

CHỨA THÓC PHÒNG ĐÓI

Tích chứa thóc gạo phòng khi đói kém,

積衣防寒

Tích y phòng hàn,

TÍCH ÁO PHÒNG RẾT

Tích chứa áo quần phòng cơn rét mướt,

儉則常足

Kiệm tắc thường túc,

ĐÈ THỜI THƯỜNG ĐỦ

Tiết kiệm thường tự thấy đầy đủ,

靜則常安

Tĩnh tắc thường an,

LẶNG THỜI THƯỜNG YÊN

Điềm đạm thường được yên vui.

Chứa thóc đề phòng khi đói,
Chứa áo phòng trong buổi lạnh lùng,
Sễn thời thường được đủ dùng,
Tĩnh thời thân thể được cùng yên vui.

謹 備 防 奸

Cẩn bị phòng gian,

CẨN BỊ PHÒNG GIAN

Cẩn thận cảnh giác đề phòng kẻ gian,

養 子 防 老

Dưỡng tử phòng lão.

NUÔI CON PHÒNG GIÀ

Nuôi con trông cậy lúc tuổi già.

事 親 既 孝

Sự thân kí hiếu,

THỜ THÂN ĐÃ THẢO

Mình phụng dưỡng cha mẹ hết lòng hiếu thảo,

子 亦 孝 之

Tử diệc hiếu chi.

CON CŨNG THẢO ĐỐI

Sau con mình cũng sẽ hiếu thảo với mình như thế.

**Cẩn bị đề phòng người gian xảo,
Nuôi con phòng thân lão tuổi già.**

23

**Ta mà hiếu với mẹ cha,
Con ta lại hiếu với ta sau này.**

奉養禮儀

Phụng dưỡng lễ nghi,

THỜ NUÔI LỄ PHÉP

Đạo phụng dưỡng báo hiếu cha mẹ,

莫避污穢

Mac tị ô uế,

CHÁNH KIỀNG DƠ BẨN

Phải chăm sóc chu đáo không nề hà dơ bẩn,

父母尚在

Phụ mẫu thượng tại,

CHA MẸ HẪY CÒN

Khi cha mẹ già còn sống,

不可遠遊

Bất khả viễn du.

CHẲNG KHÁ XA CHƠI

Không nên đi những nơi quá xa.

Phải thờ phụng đêm ngày tận lễ,

Dám sự dẫu ô uế nề hà,

Thềm cao xuân cỗi huyên già,

Làm con chớ có phương xa chơi bời.

身體髮膚

Thân thể phát phu,

THÂN THỂ TÓC DA

Bản thân ta từ cơ thể đến tóc da,

受之父母

Thụ chi phụ mẫu,

CHỊU CHUNG CHA MẸ

Là do cha mẹ ta sinh ra,

不敢毀傷

Bất cảm hủy thương,

CHẲNG DÁM HỦY HẠI

Phải biết tự giữ gìn sức khỏe, không làm hủy hại bản thân,

孝之始也

Hiếu chi thủy dã.

HIẾU CHUNG TRƯỚC VẬY

Đó là điều đầu tiên của đạo Hiếu.

Mấy da tóc trong người thân thể,
Chính mẹ cha sinh đẻ ra ta,
Giữ đừng hủy hoại thân ta,
Mới hay hiếu đạo đó là đầu tiên.

立身行道

Lập thân hành đạo,

DỰNG MÌNH LÀM ĐẠO

Lập thân gây dựng sự nghiệp, hành đạo giúp đời, tạo phúc xã hội,

揚名于後

Dương danh vu hậu,

NÚC TIẾNG CHUNG SAU

Để tiếng thơm lòng lấy về sau,

以顯父母

Dĩ hiển phụ mẫu,

LẤY VỀ CHA MẸ

Làm cho cha mẹ được vẻ vang,

孝之終也

Hiếu chi chung dã.

HIẾU CHUNG CUỐI VẬY

Đó là điều trọn vẹn của đạo Hiếu.

Lập thân cốt lưu truyền đạo lý,

Vang tiếng tăm âm ỹ gần xa,

Vẻ vang được cả mẹ cha,

Mới hay hiếu đạo đó là lớn thay.



欲 和 上 下

Dục hòa thượng hạ,
MUỐN HOÀ TRÊN DƯỚI
Muốn hoà thuận với mọi người,

忍 字 爲 先

Nhẫn tự vi tiên,
CHỮ NHỊN LÀM TRƯỚC
Phải lấy chữ NHẪN làm đầu, biết nhường nhịn nhau,

25

**Muốn trên dưới đó đây hoà thuận,
Phải lấy ngay chữ nhẫn làm đầu,**

君臣忍之

Quân thần nhẫn chi,

VUA TÔI NHỊN ĐẤY

Vua tôi giữ đạo NHẪN, biết nhường nhịn nhau,
(Nay hiểu là: Nhà Nước và nhân dân đồng lòng chung sức)

國勢保全

Quốc thế bảo toàn,

THẾ NƯỚC GIỮ VỆ

Đất nước sẽ được thanh bình cường thịnh,

父子忍之

Phụ tử nhẫn chi,

CHA CON NHỊN ĐẤY

Cha con giữ đạo NHẪN, biết nhường nhịn nhau,

自全其道

Tự toàn kì đạo.

TỰ VỆ THỬA ĐẠO

Nhà cửa sẽ êm ấm, vẹn toàn đạo lí.

Vua tôi nhẫn, nước bền lâu,
Cha con nhẫn, được ơn sâu vẹn tròn.

夫 婦 忍 之

Phu phụ nhẫn chi,

CHỒNG VỢ NHỊN ĐẤY

Vợ chồng giữ đạo NHẪN, biết nhường nhịn nhau,

令 子 不 孤

Linh tử bất cô,

KHIẾN CON KHÔNG CÔI

Con cái sẽ không bị bơ vơ cô cút,

兄 弟 忍 之

Huynh đệ nhẫn chi,

ANH EM NHỊN ĐẤY

Anh em giữ đạo NHẪN, biết nhường nhịn nhau,

家 中 無 害

Gia trung vô hại.

TRONG NHÀ KHÔNG HẠI

Trong nhà sẽ yên ổn, không xảy ra điều gì có hại.

**Vợ chồng nhẫn, khỏi con nheo nhóc,
Anh em cùng nhẫn nhục nhà yên,**

朋友忍之

Bằng hữu nhẫn chi,

BÈ BẠN NHỊN ĐẤY

Bạn bè giữ đạo NHẪN, biết nhường nhịn nhau,

其情不疏

Kì tình bất sơ,

THỬA TÌNH CHẴNG XA

Thì tình cảm càng gần bó thân thiết,

自身忍之

Tự thân nhẫn chi,

TỰ MÌNH NHỊN ĐẤY

Tự mình giữ đạo NHẪN, biết nhường nhịn mọi người,

人人愛樂

Nhân nhân ái lạc.

NGƯỜI NGƯỜI YÊU VUI

Sẽ được mọi người vui vầy yêu mến.

**Bạn bè nhẫn, nghĩa giao bền,
Tự mình nhẫn được, người bên mến yêu.**

家中賭博

Gia trung đổ bạc,
TRONG NHÀ CỜ BẠC

Trong nhà chứa cờ bạc sát phạt nhau,

男女皆惡

Nam nữ giai ác,
TRAI GÁI ĐỀU ÁC

Con cái sẽ hư hỏng,

家中有琴

Gia trung hữu cầm,
TRONG NHÀ CÓ ĐÀN

Nhà chứa đàn hát sênh ca, chơi bời quá đà,

女子必淫

Nữ tử tất dâm,
CON GÁI ẮT DÂM

Con gái sẽ hư thân mất nết,

Nhà bài bạc, con đều hư hỏng,
Cả gái trai lêu lổng một đoàn,
Véo von tiếng hát cung đàn,
Xui đàn son phấn, mê đường nguyệt hoa.

家中有棋

Gia trung hữu kì,

TRONG NHÀ CÓ CỜ

Nhà ham mê đánh cờ, tìm thể tính nước,

男子必衰

Nam tử tất suy,

CON TRAI ẤT SUY

Con trai sẽ suy vi, tinh thần sút kém,

家中有制

Gia trung hữu chế,

TRONG NHÀ CÓ PHÉP

Nhà có khuôn phép dạy bảo,

男女守禮

Nam nữ thủ lễ.

TRAI GÁI GIỮ LỄ

Con cái ngoan hiền lễ phép.

Cờ điểm nước la đà du dang,
Bỏ việc nhà, thêm nhãng học hành,
Sao bằng dạy lấy quy trình,
Cả nhà đều biết tập tành lễ nghi.

人而無禮

Nhân nhi vô lễ,

NGƯỜI MÀ VÔ LỄ

Làm người mà không biết lễ phép,

安可謂賢

An khả vị hiền,

SAO THỂ RẰNG HIỀN

Sao có thể cho rằng đó là người hiền,

百行為先

Bách hạnh vi tiên,

TRĂM NẾT LÀM TRƯỚC

Đứng đầu tất cả trăm nét,

惟禮與孝

Duy lễ dữ hiếu.

DUY LỄ VÀ HIẾU

Chỉ có "lễ" và "hiếu".

禮孝

事無大小

Sự vô đại tiểu,

VIỆC KHÔNG TỎ NHỎ

Mọi công việc trong nhà dù to dù nhỏ,

不可爭衡

Bất khả tranh hành,

CHẲNG KHẢ TRANH GIÀNH

Không nên cãi cọ, tranh giành, suy bì, tị lạnh nhau,

財產分明

Tài sản phân minh,

CỦA CẢI CHIA RÕ

Của cải tài sản phải rành mạch rõ ràng,

均給群眾

Quân cấp quần chúng.

ĐỀU CHO MỌI NGƯỜI

Chia phần cho mọi người sao cho đều và đúng.

Nhà bất cứ việc gì lớn nhỏ,

Giữ êm đềm đừng có tranh giành,

Tiền tài điền sản phân minh,

Phận ai phận ấy, riêng mình đừng tham.

莫愛珠玉

Mạc ái châu ngọc,

CHỚ YÊU CHÂU NGỌC

Châu ngọc vật hiếm dù có giá trị đến mấy,

愛子孫賢

Ái tử tôn hiền,

YÊU CON CHÁU HIỀN

cũng không quý bằng con cháu ngoan hiền,

和睦爲先

Hòa mục vi tiên,

HOÀ THUẬN LÀM TRƯỚC

Cư xử với mọi người phải luôn luôn "hoà thuận",

誠爲好俗

Thành vi hảo tục.

THỰC LÀM THÓI TỐT

Đối xử "chân thành" với nhau, tình người càng thêm tốt đẹp.

Dầu vàng ngọc chẳng ham chẳng báu,

Quý báu thay con cháu thảo hiền,

Lấy điều hòa mục đầu tiên,

“Thực” là thói tốt lưu truyền xưa nay.

婚姻擇配

Hôn nhân trạch phối,
DÂU RỂ CHỌN SÁNH
Việc kén dâu chọn rể,

先看家風

Tiên khán gia phong,
TRƯỚC XEM THỜI NHÀ
Trước tiên xem nề nếp gia đình,

清潔閨房

Thanh khiết khuê phòng,
TRONG SẠCH KHUÊ PHÒNG
Sạch sẽ gọn gàng ngăn nắp,

主饋蘋藻

Chủ quỹ tần tảo.
CHỦ QUỸ TẦN TẢO
Nội trợ đảm đang,

Đến hôn giá việc này chọn kỹ,
So lựa đôi phải nghi gia phong,
Kén người tiết sạch giá trong,
Cho làm chủ quỹ ở trong gia đình,

寡言謹厚

Quả ngôn cẩn hậu,

ÍT NÓI CẨN HẬU

Nói năng chín chắn, tính tình cẩn thận hiền hoà,

執順唱隨

Chấp thuận xướng tùy,

GIỮ THUẬN XƯỚNG THEO

Giữ đạo phu xướng phụ tùy,

(chồng đốc xuất, vợ thuận theo, vợ chồng hoà hợp)

德行表儀

Đức hạnh biểu nghi,

ĐỨC NẾT NÊU DÁNG

Chọn người đức hạnh nét na,

不須顏色

Bất tu nhan sắc.

KHÔNG CẦN NHAN SẮC

Không cần chọn sắc đẹp.

Nói năng ít, tính tình cẩn chắc,
Biết thuận tòng phép tắc xướng tùy,
Quý hồ đức hạnh uy nghi,
Cứ gì da phấn cứ gì mặt hoa,

子資母德

Tử tư mẫu đức,

CON NHỜ MẸ ĐỨC

Nhờ đức hạnh của người mẹ, con trai được nên người,

女出宮妃

Nữ xuất cung phi,

GÁI RA CUNG PHI

con gái lấy chồng danh giá,

子孝孫慈

Tử hiếu tôn từ,

CON THẢO CHÁU LÀNH

Có con hiếu thảo sẽ có cháu ngoan hiền,

妻賢子貴

Thê hiền tử quý.

VỢ HIỀN CON SANG

Vợ là người hiền đức sẽ có con quý hiền.

Con nhờ mẹ hiền hòa để đức,
Gái lấy chồng đáng bậc cung phi,
Một nhà vinh hiển ai bì,
Con hiền cháu thảo cũng vì vợ ngoan.

孽妻敗嗣

Nghệt thê bại tự,

ÁC VỢ NÁT DÒNG

Vợ ác nghiệt, sẽ làm cho dòng giống lui bại,

妒婦亂家

Đố phụ loạn gia,

GHEN VỢ RỐI NHÀ

Vợ ghen tuông tất sẽ loạn nhà,

巧譎是邪

Xảo quyết thị tà,

KHÉO QUYẾT LÀ TÀ

Ranh mãnh xảo quyết là loại gian tà,

驕訛是詐

Kiêu ngoa thị trá,

KIÊU NGOA LÀ DỐI

Kiêu ngạo điêu ngoa là loại dối trá,

**Vợ cay nghiệt, kém đường tự lực,
Vợ ghen tuông, lục đục trong nhà,
Ngoa thì trá, quyết thì tà,**

婦人內助

Phụ nhân nội trợ,

NGƯỜI VỢ

NỘI TRỢ

Việc nội trợ trong nhà thường do người phụ nữ lo toan,

盛衰之由

Thịnh suy chi do.

THỊNH SUY CHUNG BỞI

Nhà thịnh hay suy phần lớn có nguyên nhân từ đó.

賢女敬夫

Hiền nữ kính phu,

GÁI HIỀN

KÍNH

CHỒNG

Gái hiền thực kính chồng,

癡人畏婦

Si nhân úy phụ.

KÊ NGU

SỢ

VỢ

Trai ngu si sợ vợ.

Thịnh suy thường ở đàn bà gây nên.

31

**Trai si ngốc chịu hèn hãi vợ,
Gái hiền hòa biết sợ kính chồng.**

不正之女

Bất chính chi nữ,

CHẲNG NGAY CHUNG GÁI

Đàn bà không chung thủy [với chồng],

羞以爲妻

Tu dĩ vi thê,

THEN LẤY LÀM VỢ

Thật hổ then mang tiếng là người vợ,

不忠之人

Bất trung chi nhân,

CHẲNG TRUNG CHUNG NGƯỜI

Người bất trung [với nước],

羞以爲臣

Tu dĩ vi thần.

THEN LẤY LÀM TÔI

Thật hổ then mang tiếng là người công dân [*nước Việt*].

**Gái hư chồng cũng sợng sùng,
Tôi hư, vua dầu có dùng, then thay!**

女之守節

Nữ chi thủ tiết,
GÁI CHUNG GIỮ TIẾT
Phụ nữ giữ gìn tiết hạnh,

猶士守身

Do sĩ thủ thân,
NHƯ SĨ GIỮ MÌNH
Khác gì người chí sĩ giữ thanh danh,

賢妻家寶

Hiền thê gia bảo,
VỢ HIỀN NHÀ BÁU
Vợ hiền hậu là bảo bối của gia đình,

賢臣國珍

Hiền thần quốc trân.
TÔI HIỀN NƯỚC QUÍ
Người tài đức là châu ngọc của đất nước.

Con gái phải giữ ngay một tiết,
Cũng như người hào kiệt giữ mình,
Vợ hiền, báu của gia đình,
Tôi hiền, báu của triều đình quốc gia.

男 貴 忠 勤

Nam quý trung cần,

TRAI QUÝ NGAY CHĂM

Làm trai quý nhất ân cần trung thực,

女 貴 貞 順

Nữ quý trinh thuận.

GÁI QUÝ TRINH THUẬN

Làm gái quý nhất thuận tòng chung thủy.

教 婦 初 來

Giáo phụ sơ lai,

DẠY VỢ MỚI VỀ

Bảo ban dẫn dắt vợ ngay từ lúc mới lấy nhau,

教 子 嬰 孩

Giáo tử anh hài.

DẠY CON BÉ THƠ

Dạy dỗ con ngay từ khi chập chững thơ ngây.

34

**Trai ngay thẳng thật thà cần mẫn,
Gái kiên trinh hiếu thuận một bề,**

35

**Dạy dâu từ thuở mới về,
Dạy con từ lúc hài đề mới sinh.**

慾 不 可 縱

Dục bất khả túng,
HẠM KHÔNG KHÁ BUÔNG

Dục vọng không nên phóng túng buông thả,

慾 縱 成 災

Dục túng thành tai,
HẠM BUÔNG THÀNH HẠI

Buông thả dục vọng sẽ trở thành tai họa,

樂 不 可 極

Lạc bất khả cực,
VUI KHÔNG NÊN QUÁ

Cuộc vui đừng để quá đà,

樂 極 生 哀

Lạc cực sinh ai.
VUI QUÁ SINH BUỒN

Vui quá đà sẽ sinh ra buồn khổ.

**Buông lòng dục sẽ thành tai vạ,
Quá vui chơi sẽ hóa buồn rầu.**

女勿貪財

Nữ vật tham tài,

GÁI CHỖ THAM CỦA

Con gái đừng tham lam tiền của,

男勿好色

Nam vật hiếu sắc,

TRAI CHỖ HÁM SẮC

Con trai chớ ham mê sắc đẹp,

色易殺人

Sắc dị sát nhân,

SẮC DỄ GIẾT NGƯỜI

Sắc đẹp dễ trở thành nguyên nhân giết người,

財易殺身

Tài dị sát thân.

CỦA DỄ GIẾT MÌNH

Tiền của dễ trở thành nguyên nhân giết mình.

Gái đừng tham của tham giàu,
Trai đừng tham luyến những màu nguyệt hoa,
Hoa nguyệt giết người ta như bốn,
Của cải nhiều vạ lớn cho mình.

術 詐 遺 之

Thuật trá di chi,

THUẬT DỐI ĐỂ ĐẤY

Những người để lại lối sống mưu mẹo dối trá,

子 孫 者 亡

Tử tôn giả vong,

CON CHÁU ẤY SUY

Con cháu hấp thụ lối sống đó, tất sẽ bị suy vong,

道 德 遺 之

Đạo đức di chi,

ĐẠO ĐỨC ĐỂ ĐẤY

Những người để lại cách sống thật thà đạo đức,

子 孫 者 昌

Tử tôn giả xương,

CON CHÁU ẤY THỊNH

Con cháu noi theo phong cách đó, tất sẽ được hưng thịnh,

Lấy điều lừa dối để giành,
Thời con cháu có yên lành được đâu,
Điều đạo đức về sau để lại,
Con cháu nhà mãi mãi vẻ vang,

本固枝長

Bản cố chi trường,

GỐC BỀN CÀNH DÀI

Gốc có vững chắc, cành mới được vươn dài,

流傳萬代

Lưu truyền vạn đại.

LƯU TRUYỀN MUÔN ĐỜI

Để lưu truyền muôn thuở về sau.

不孝有三

Bất hiếu hữu tam,

BẤT HIẾU CÓ BA

Có ba điều phạm vào bất hiếu:

(1/lúc cha mẹ sống không hiếu kính, 2/lúc chết không chôn cất, 3/không có con nối dõi, khi bản thân chết rồi không có người thờ cúng tổ tiên ông bà cha mẹ mình),

無後爲大

Vô hậu vi đại.

KHÔNG SẼ LÀM LỚN

Người xưa quan niệm: không có con nối dõi là điều bất hiếu lớn nhất.

Gốc bền, cành lá nở nang,

Muôn đời nối dõi giàu sang còn nhiều.

39

**Tội bất hiếu ba điều trong luật,
Không có con, nặng nhất đã đành.**

有親不愛

Hữu thân bất ái,

CÓ THÂN KHÔNG YÊU

Không yêu thương phụng dưỡng cha mẹ,

有兄不敬

Hữu huynh bất kính,

CÓ ANH CHẴNG KÍNH

Không quý mến kính trọng anh chị,

求其弟聽

Cầu kỳ đệ thính,

CẦU THỬA EM NGHE

Lại muốn con em nghe lời,

豈可得乎

Khởi khả đắc hồ.

HÁ KHÁ ĐƯỢC Ư

Sao có thể được?

Không yêu, không quý cha anh,
Mong con em kính yêu mình được sao?

賢

子 果 賢 矣

Tử quả hiền hĩ,
CON THỰC HIỀN VẬY
Nếu con cháu ngoan hiền,

今 雖 貧 賤

Kim tuy bần tiện,
NAY DẦU NGHÈO HÈN
Tuy ngày nay nghèo khó,

後 必 富 貴

Hậu tất phú quý.
SAU ẤT GIÀU SANG
Nhưng sau sẽ giàu sang.

Con hiền hậu, nay nghèo mai có,

善

子不肖矣

Tử bất tiếu hĩ,
CON HƯ HỒNG VẬY

Nếu con cháu hư hỏng,

今雖富貴

Kim tuy phú quý,
NAY DẪU GIÀU SANG

Tuy ngày nay giàu có,

後必貧賤

Hậu tất bần tiện.

SAU ẤT NGHÈO HÈN

Nhưng sau sẽ nghèo hèn.

Con chẳng hiền, nay có mai nghèo.

骨肉貧者

Cốt nhục bần giả,
XƯƠNG THỊT NGHÈO ẤY

Anh em ruột thịt dẫu nghèo túng,

情不可疏

Tình bất khả sơ.

TÌNH CHẴNG NÊN XA

Tình nghĩa chớ nên nhạt phai xa lánh.

他人富者

Tha nhân phú giả,
KHÁC NGƯỜI GIÀU ẤY

Người ta dẫu giàu sang phú quý,

心不可惡

Tâm bất khả ố.

LÒNG CHẴNG NÊN GHEN

Trong lòng không nên ghen ghét.

41

Người nhà nghèo cũng thân yêu,

42

Người ngoài giàu có không điều ghét ghen.

敬

取重於人

Thủ trọng ư nhân,
LẤY TRỌNG CHUNG NGƯỜI
Tôn trọng mọi người,

是重其身

Thị trọng kì thân.
LÀ TRỌNG THỬA MÌNH
Chính là tôn trọng mình.

Khắp nhân chúng ta nên kính trọng,
Trọng người ta là trọng bản thân.

莫效小人

Mạc hiệu tiểu nhân,
CHỚ ĐUA TIỂU NHÂN

Đừng đua đòi theo loại tiểu nhân nhỏ nhen,

惡人勝己

Ố nhân thắng kỉ,
GHÉT NGƯỜI HƠN MÌNH

Hay ghen ghét những người hơn mình,

可效君子

Khả hiệu quân tử,
KHÁ HỌC QUÂN TỬ

Nên noi theo những người quân tử rộng lượng,

成人之美

Thành nhân chi mỹ.
NÊN NGƯỜI CHUNG ĐẸP

Giúp đỡ mọi người làm cho cuộc sống càng thêm tươi đẹp.

Đừng nên bắt chước tiểu nhân,
Ghen người tài đức có phần hơn ta,
Phải bắt chước những nhà đúng mực,
Ai muốn hay, giúp sức cho nên.

苟 無 野 人

Cầu vô dã nhân,

VÍ KHÔNG QUÊ NGƯỜI

Ví như không có người dân quê,

莫 養 君 子

Mạc dưỡng quân tử,

CHẲNG NUÔI QUÂN TỬ

Thì lấy ai trồng lúa nuôi người quân tử trí thức,

苟 無 君 子

Cầu vô quân tử,

VÍ KHÔNG QUÂN TỬ

Ví như không có người quân tử trí thức,

莫 治 野 人

Mạc trị dã nhân.

CHẲNG SỬA QUÊ NGƯỜI

Thì lấy ai đem kiến thức dạy bảo người dân quê.

Dựa nhau kẻ dưới người trên,

Bên nuôi người cũng như bên dạy người.

居 必 擇 鄰

Cư tất trạch lân,

Ở ẮT CHỌN XÓM

Chọn nơi có hàng xóm tốt mà ở,

交 必 擇 友

Giao tất trạch hữu,

CHƠI ẮT CHỌN BẠN

Chọn bạn tốt mà chơi,

患 難 相 救

Hoạn nạn tương cứu,

HOẠN NẠN CÙNG CỨU

Gặp khi hoạn nạn, cùng cứu giúp nhau,

過 失 相 規

Quá thất tương quy.

LÀM LỖI CÙNG KHUYẾN

Thấy khi làm lỗi, lấy lẽ phải chân tình khuyên nhủ.

**Ở chọn xóm, chơi bởi chọn bạn,
Chữa sai lầm, giúp hoạn nạn chung.**

用人勿疑

Dùng nhân vật nghi,

DÙNG NGƯỜI CHÓ NGỜ

Đã dùng người chó có nghi ngờ,

疑人勿用

Nghi nhân vật dụng,

NGỜ NGƯỜI CHÓ DÙNG

Người không đáng tin cậy thì đừng dùng,

用人不謹

Dùng nhân bất cẩn,

DÙNG NGƯỜI KHÔNG THẬN

Không thận trọng trong việc dùng người,

害隨而至

Hại tùy nhi chí.

HẠI THEO MÀ ĐẾN

Dùng nhầm người sẽ có ngày mang họa.

Ngờ ai thì chó nên dùng,

Dùng ai thì chó đem lòng hồ nghi,

Dùng không khéo ân thì hóa oán,

Sẽ xảy ra tai nạn đến ngay,

小人失意

Tiểu nhân thất ý,

TIỂU NHÂN TRÁI Ý

Kẻ tiểu nhân lòng dạ hẹp hòi nhỏ nhen, khi không được vừa ý,

起爲仇讐

Khởi vi cừ thù.

DẤY LÀM CỪ THÙ

Thường sinh lòng soi mói thù hằn.

小人自驕

Tiểu nhân tự kiêu,

TIỂU NHÂN TỰ KIÊU

Kẻ tiểu nhân kiêu căng ngạo mạn,

恃才矜己

Thị tài căng ki.

CẬY TÀI KHOE MÌNH

Thường khoác lác khoe tài cậy giỏi.

**Tiểu nhân lòng dễ đổi thay,
Hễ mà thất ý sinh ngay thù hằn.**

Lại còn thói kiêu căng hách dịch,

無惡小人

Vô ố tiểu nhân,

KHÔNG GHÉT TIỂU NHÂN

Người có tấm lòng nhân ái, không ghét kẻ tiểu nhân,

是爲君子

Thị vi quân tử,

ẤY LÀ QUÂN TỬ

Đó mới thực sự là bậc quân tử rộng lượng,

財上分明

Tài thượng phân minh,

CỦA TRÊN CHIA RÕ

Người mà tiền bạc phân minh chuẩn chỉ,

是爲丈夫

Thị vi trượng phu.

ẤY LÀ TRUỘNG PHU

Xứng đáng là đấng trượng phu đàng hoàng.

Quân tử không thềm trách tiểu nhân,

Tiền tài rành rọt từng phân,

Trượng phu giữ vững tinh thần cao siêu.

貧而無諂

Bần nhi vô siểm,
NGHÈO MÀ KHÔNG NỊNH
Dẫu nghèo khó không xu nịnh,

富而無驕

Phú nhi vô kiêu,
GIÀU MÀ KHÔNG KIÊU
Dù giàu có không kiêu ngạo,

清貧常樂

Thanh bần thường lạc,
TRONG NGHÈO THƯỜNG VUI
Nghèo thanh bạch thường có niềm vui,

濁富多憂

Trọc phú đa ưu,
ĐỤC GIÀU NHIỀU LO
Giàu ô trọc sẽ nhiều âu lo,

Giàu nghèo chẳng siểm kiêu cũng khó,
Thanh bần vui, trọc phú thường lo,

勿恃富貴

Vật thị phú quý,

CHỖ CẬY GIÀU SANG

Chớ cậy mình giàu sang phú quý,

自輕其貧

Tự khinh kì bần,

TỰ KHINH THỬA NGHÈO

Mà coi khinh những người nghèo khó,

恃富輕貧

Thị phú khinh bần,

CẬY GIÀU KHINH NGHÈO

Kẻ cậy mình giàu có, coi khinh người nghèo khó,

守錢虜耳

Thủ tiền lỗ nhĩ.

GIỮ TIỀN MỌI VẬY

Chỉ là quân mọi rợ giữ của mà thôi.

**Khinh người, giữ của bo bo,
Chỉ là một đứa coi kho, giữ vàng.**

窮人勿罵

Cùng nhân vật mạ,

CÙNG NGƯỜI CHÓ MẮNG

Người ta tới bước đường cùng, đừng mắng chửi,

窮寇勿追

Cùng khấu vật truy,

CÙNG GIẶC CHÓ ĐUỔI

Quân giặc kẻ cướp tới bước đường cùng, chó đuổi theo,

鳥窮則飛

Điều cùng tắc phi,

CHIM CÙNG THỜI BAY

Con chim tới bước đường cùng sẽ bay mất,

犬窮則吠

Khuyến cùng tắc phệ.

CHÓ CÙNG THỜI CẢN

Con chó tới bước đường cùng sẽ quay lại cắn.

Đừng mắng kẻ cùng đường cơ nhỡ,
Giặc cùng đường cũng chó đuổi theo,
Chim cùng tìm lối bay cao,
Chó cùng quay lại cắn liều tứ tung.

人貪財死

Nhân tham tài tử,

NGƯỜI THAM CỦA CHẾT

Con người tham lam, có ngày sẽ chết vì của cải,

鳥貪食亡

Điểu tham thực vong,

CHIM THAM ĂN CHẾT

Con chim tham ăn, có ngày sẽ chết vì miếng mồi,

饑寒切身

Cơ hàn thiết thân,

ĐÓI RÉT ĐẾN MÌNH

Con người khi gặp cảnh ngộ đói rét cùng quẫn,

不顧廉恥

Bất cố liêm sỉ.

CHẲNG ĐOÁI NGAY THẺN

Thường chẳng còn đoái hoài tới lễ nghĩa liêm sỉ.

Người tham của khó lòng thoát chết,

Chim tham mồi cũng hết đường bay,

Than ôi đói rét thân này,

Đoái gì liêm sỉ, dạn dày làm thình.

自 先 責 己

Tự tiên trách kỉ,
TỰ TRƯỚC TRÁCH MÌNH
Tự trách mình trước,

而 後 責 人

Nhi hậu trách nhân,
MÀ SAU TRÁCH NGƯỜI
Rồi sau mới trách đến người,

含 血 噴 人

Hàm huyết phun nhân,
NGẬM MÁU PHUN NGƯỜI
Ngậm máu phun người,

先 汙 其 口

Tiên ô kỳ khẩu.
TRƯỚC BẨN THỬA MIỆNG
Miệng mình bẩn trước.

Thân mình phải tự mình chỉ trích,
Rồi về sau sẽ trách người ngoài,
Ta mà ngậm máu phun người,
Miệng ta trước đã vị hoài bản nhơ.

惡言出口

Ác ngôn xuất khẩu,
ÁC NÓI RA MIỆNG
Miệng nói ra những lời hiểm ác,

凶神鑒臨

Hung thần giám lâm,
DỮ THẦN SOI TÓI
Sẽ có Hung Thần soi xét,

善念於心

Thiện niệm ư tâm,
LÀNH NGHĨ CHUNG LÒNG
Trong lòng nghĩ về điều thiện,

吉祥自現

Cát tường tự hiện.
TỐT LÀNH TỰ HIỆN
Điềm tốt lành sẽ tự nhiên theo đến.

Nhời nói ác thốt ra cửa miệng,
Có Hung Thần theo đến xét ngay,
Trong lòng nghĩ được điều hay,
Cát thần cũng ứng hiện ngay điềm lành.

積善逢善

Tích thiện phùng thiện,
CHỨA LÀNH GẶP LÀNH
Làm việc tốt sẽ gặp điều lành,

積惡逢惡

Tích ác phùng ác,
CHỨA DỮ GẶP DỮ
Làm việc xấu sẽ gặp điều dữ,

仔細思量

Tử tế tư lượng,
KỸ LƯỜNG NGHĨ LƯỜNG
Có đáng soi xét kỹ càng,

天地不錯

Thiên địa bất thác.
TRỜI ĐẤT KHÔNG SAI
Đó là trời đất phán xử chẳng bao giờ nhầm.

Sự báo ứng rành rành nhẽ phải,
Mình làm ra đền lại cho mình,
Ác gặp ác, lành gặp lành,
Nghĩ xem giờ đất tỉnh tỉnh chẳng nhầm.

仁 厚 逢 厚

Nhân hậu phùng hậu,

NHÂN HẬU GẶP HẬU

Người nhân hậu sẽ gặp người nhân hậu,

處 處 相 逢

Xứ xứ tương phùng,

NOI NOI CÙNG GẶP

Dù bất cứ nơi nào cũng gặp,

謀 深 禍 深

Mưu thâm họa thâm,

MUU SÂU VẠ SÂU

Mưu sâu kế hiểm hại người, sẽ gặp tai họa khó lường,

冤 冤 相 報

Oan oan tương báo,

OAN OAN CÙNG BÁO

Oan có đầu, nợ có chủ, oán thù cùng báo.

Nhân hậu với mưu thâm phân biệt,

Ân báo ân, oan nghiệt báo oan,

善有善報

Thiện hữu thiện báo,

LÀNH CÓ LÀNH BÁO

Người lương thiện sẽ có điều tốt lành đáp lại,

惡有惡報

Ác hữu ác báo,

DỮ CÓ DỮ BÁO

Kẻ hung ác sẽ có điều ác nghiệt quả báo,

若還不報

Nhược hoàn bất báo,

NẾU CÒN KHÔNG BÁO

Nếu điều thiện ác vẫn không báo trả,

時辰未到

Thời thần vị đáo,

GIỜ NGÀY CHƯA ĐẾN

Đó chỉ là thời gian chưa tới mà thôi.

Có khi chậm một thời gian,
Là theo giờ phút tuần hoàn sớm trưa,

種瓜得瓜

Chủng qua đắc qua,
TRỒNG DƯA ĐƯỢC DƯA
Trồng dưa sẽ thu hoạch dưa,

種豆得豆

Chủng đậu đắc đậu,
TRỒNG ĐẬU ĐƯỢC ĐẬU
Trồng đậu sẽ thu hoạch đậu,

天網恢恢

Thiên võng khôi khôi,
TRỜI LƯỚI RỘNG RÃI
Lưới trời lồng lộng,

疎而不漏

Sơ nhi bất lậu.
THỪA MÀ KHÔNG LỘT
Tuy thưa mà không lọt.

Trồng dưa đậu, được dưa được đậu,
Lưới giời thưa chẳng lậu một người.

皇天不負

Hoàng thiên bất phụ,
ÔNG TRỜI KHÔNG PHỤ
Trời cao không phụ công:

有讀書人

Hữu độc thư nhân,
CÓ ĐỌC SÁCH NGƯỜI
Những người chăm chỉ học hành.

皇天不負

Hoàng thiên bất phụ,
ÔNG TRỜI KHÔNG PHỤ
Trời cao không phụ tấm lòng:

有道心人

Hữu đạo tâm nhân,
CÓ ĐẠO LÒNG NGƯỜI
Những người sống có đạo đức.

**Trời kia chẳng phụ chi ai,
Một người chăm học, hai người có tâm.**

皇天不負

Hoàng thiên bất phụ,
ÔNG TRỜI KHÔNG PHỤ
Trời cao không phụ tấm lòng:

有 好 心 人

Hữu hảo tâm nhân.
CÓ TỐT LÒNG NGƯỜI
Những người tốt bụng, hay giúp đỡ mọi người.

傷 人 之 語

Thương nhân chi ngữ,
HẠI NGƯỜI CHUNG LỜI
Lời nói không tốt làm hại người khác,

反 是 傷 身

Phản thị thương thân,
LẠI LÀ HẠI MÌNH
Ngược lại rồi sẽ làm hại chính mình.

**Những lời nói ngấm ngầm ngang trái,
Muốn hại người lại hại ngay mình,**

用心不良

Dụng tâm bất lương,

DÙNG LÒNG KHÔNG LÀNH

Trong lòng mưu toan điều xấu hại người,

豈無果報

Khởi vô quả báo?

HÁ KHÔNG QUẢ BÁO

Chẳng lẽ lại không bị quả báo hay sao?

父母行惡

Phụ mẫu hành ác,

CHA MẸ LÀM ÁC

Cha mẹ làm điều xấu ác,

遺害子孫

Di hại tử tôn.

ĐỂ HẠI CON CHÁU

Sẽ để lại tai họa cho con cháu.

**Dụng tâm làm việc chẳng lành,
Há không ác báo rành rành hay sao,
Cha mẹ đã làm nhiều điều xấu,
Vạ lây cho con cháu về sau.**



禍 福 無 門

Họa phúc vô môn,

VẠ PHÚC KHÔNG CỦA

HOẠ hoặc PHÚC không tự nhiên đến nhà ai cả,

惟 人 自 召

Duy nhân tự triệu.

DO NGƯỜI TỰ VỚI

Đều do con người tự mời vào.

**Biết đâu phúc họa là đâu,
Tự ta ta sẽ bắc cầu mà noi,**

欲知禍福

Dục tri họa phúc,
MUỐN BIẾT VẠ PHÚC
Muốn biết họa phúc ra sao,

先看兒孫

Tiên khán nhi tôn,
TRƯỚC XEM CON CHÁU
Trước hãy nhìn xem con cháu thế nào,

自家而知

Tự gia nhi tri,
TỰ NHÀ MÀ BIẾT
Tự xét thấy nhà mình mà biết,

何必問誰

Hà tất vấn thùy.
SAO ẮT HỎI AI
Cần gì phải hỏi ai.

Gương con cháu để soi phúc họa,
Ta hỏi ta, ta chẳng hỏi ai.

刻 深 太 甚

Khắc thâm thái thậm,
NGHIỆT SÂU QUÁ LẮM
Người sống hà khắc cay nghiệt,

沉 病 難 醫

Trầm bệnh nan y,
CHÌM BỆNH KHÓ CHỮA
Lâu rồi sinh bệnh trầm trọng khó chữa lành,

煩 慮 多 思

Phiền lự đa tư,
PHIỀN LỘ NHIỀU NGHĨ
Tính tình hay bức dọc phiền não, lo nghĩ quá nhiều,

心 神 勞 竭

Tâm thần lao kiệt,
TÂM THẦN NHỌC KIẾT
Lâu ngày tinh thần sẽ mệt mỏi kiệt sức,

Những người sâu sắc nước đời
Khi mang bệnh nặng, khó bài thuốc thang,
Cả ngày chỉ tính bàn mưu kế,
Hắn tinh thần kiệt quệ nhọc nhằn,

陰謀嫁禍

Âm mưu giá họa,

NGẦM MUU ĐỔ VẠ

Toan tính âm mưu đổ vạ hại người,

暗有鬼神

Âm hữu quỷ thần,

TỐI CÓ QUỶ THẦN

Nên nhớ luôn có Quỷ Thần giám sát.

益己害人

Ích kỷ hại nhân,

ÍCH MÌNH HẠI NGƯỜI

Vì lợi ích cho mình mà làm hại người khác,

明有王憲

Minh hữu vương hiến,

SÁNG CÓ VUA PHÉP

Nên biết trên đời còn có pháp luật,

Làm điều hiểm độc bất nhân,
Ở trong bóng tối, Quỷ Thần sáng soi,
Làm những sự hại người, ích kỷ,
Có phép công trừng trị rõ ràng,

人 心 如 鐵

Nhân tâm như thiết,

NGƯỜI LÒNG BẰNG SẮT

Lòng người tuy cứng rắn như sắt,

官 法 如 爐

Quan pháp như lô,

QUAN PHÉP BẰNG LÒ

Nhưng pháp luật lại như lò lửa nung,

文 法 不 孤

Văn pháp bất cô,

VĂN PHÉP KHÔNG RIÊNG

Pháp luật không thiên vị riêng ai,

殺 人 者 死

Sát nhân giả tử.

GIẾT NGƯỜI ẤY CHẾT

Tội giết người phải chết.

Lòng người như sắt, như gang,
Phép quan như thể lò than lửa hồng,
Văn án lấy phép công mà xử,
Tội giết người xử tử không tha.

人 無 遠 慮

Nhân vô viễn lự,

NGƯỜI KHÔNG XA LO

Làm người nếu không lo xa nghĩ rộng,

必 有 近 憂

Tất hữu cận ưu.

ẮT CÓ GẦN RÀU

Tất sẽ xảy ra những sự việc buồn phiền kề cận.

謹 則 無 憂

Cẩn tắc vô ưu,

THẬN THỜI KHÔNG RÀU

Cẩn thận thì không bị lo phiền,

忍 則 無 辱

Nhẫn tắc vô nhục.

NHỊN THỜI KHÔNG NHỤC

Nhẫn nhịn thì không bị khinh bị nhục.

58

Làm người không biết lo xa,

Tất nhiên có sự xảy ra lo gần.

59

Biết cẩn thận khỏi phần lo ngại,

Biết nhịn nhường khỏi phải nhục mình.

人間囚獄

Nhân gian tù ngục,

NGƯỜI KHOẢNG TÙ NGỤC

Nơi tù ngục trong cõi nhân gian,

還是無良

Hoàn thị vô lương,

TOÀN LÀ KHÔNG LÀNH

Gồm những người [hoặc do đời này hoặc do đời trước] bất lương,

天下公侯

Thiên hạ công hầu,

TRỜI DƯỚI CÔNG HẦU

Bậc công hầu quyền quý trong thiên hạ,

皆由有德

Giai do hữu đức.

ĐỀU BỞI CÓ ĐỨC

Đều vốn là người [hoặc đời này hoặc từ đời trước] sống có đạo đức.

Những người tù ngục tội tình,

Đều vì ăn ở chẳng lành xui nên,

Còn những bậc người trên sang trọng,

Đều là người đức vọng vẹn tròn.

近 硃 者 赤

Cận chu giả xích,
GẦN SON ẤY ĐỎ,
Gần son thì đỏ,

近 墨 者 黑

Cận mặc giả hắc,
GẦN MỰC ẤY ĐEN
Gần mực thì đen,

賢 德 之 人

Hiền đức chi nhân,
HIỀN ĐỨC CHUNG NGƯỜI
Người hiền lành đạo đức,

親 而 近 之

Thân nhi cận chi,
THÂN MÀ GẦN ĐẤY
Nên gần gũi chơi thân,

**Gần son thì đỏ như son,
Gần hòn mực, phải như hòn mực đen,**

終 自 有 益

Chung tự hữu ích.

SAU TỰ CÓ ÍCH
Sau tự nhiên có ích.

凶 惡 之 人

Hung ác chi nhân,

XẤU DỮ CHUNG NGƯỜI
Kẻ xấu tính hung ác,

斥 而 遠 之

Xích nhi viễn chi,

LÁNH MÀ XA ĐẤY
Phải tìm cách lánh xa,

終 自 免 禍

Chung tự miễn họa.

SAU TỰ KHỎI VẠ
Sau tránh được tai họa.

**Gần người thiện trở nên ích lợi,
Xa kẻ xấu tránh khỏi tai nạn,**

愛賢如蘭

Ái hiền như lan,

YÊU HIỀN NHƯ LAN

Yêu người hiền như bông hoa lan,

畏惡如虎

Úy ác như hổ,

SỢ DỮ NHƯ HỔ

Sợ kẻ ác như con hổ dữ,

城中失火

Thành trung thất hỏa,

THÀNH TRONG LỖ LỬA

Nếu trong thành bị cháy,

禍及池魚

Họa cập trì ngư.

VẠ ĐẾN AO CÁ

Thì đàn cá dưới ao cũng bị vạ lây.

Yêu người hiền tựa hoa lan,
Ghét phường hung ác như đàn hùm tinh,
Một mớ lửa trong thành gây vạ,
Vạ lây cho đến cá dưới ao.

危邦不入

Nguy bang bất nhập,

NGUY NƯỚC KHÔNG VÀO

Không nên đến đất nước sắp có nguy biến,

亂邦不居

Loạn bang bất cư,

LOẠN NƯỚC KHÔNG Ở

Không nên ở đất nước loạn lạc,

兵革之間

Binh cách chi gian,

BINH GIÁP CHUNG KHOẢNG

Sống trong vùng chiến tranh nguy hiểm,

守身爲大

Thủ thân vi đại.

GIỮ MÌNH LÀM LỚN

Quan trọng nhất là giữ tính mạng, [chớ tiếc vật ngoài thân].

Nước nguy đừng bước chân vào,
Cũng đừng ở một nước nào loạn ly,
Chốn binh lửa một khi qua lại,
Chớ coi thường, cốt phải giữ mình.

小利若貪

Tiểu lợi nhược tham,
NHỎ LỢI NẾU THAM
Nếu tham cái lợi nhỏ,

不成大事

Bất thành đại sự,
KHÔNG NÊN LỚN VIỆC
Việc lớn sẽ không thành,

小事不忍

Tiểu sự bất nhẫn,
NHỎ VIỆC KHÔNG NHỊN
Việc nhỏ mà không nhẫn nhịn được,

必亂大謀

Tất loạn đại mưu.
ẮT RỐI LỚN MƯU
Sẽ phá hỏng mưu sự lớn.

**Nếu tham lợi nhỏ tỉnh tỉnh,
Tất là việc lớn tầy đình chẳng xong,
Công việc nhỏ mà không nín nhịn,
Mưu mô to hẫng đến rồi ren.**

利不可獨

Lợi bất khả độc,

LỢI KHÔNG KHÁ MỘT

Lợi lộc không nên một mình hưởng hết,

獨利則仇

Độc lợi tắc cừ,

MỘT LỢI THỜI THÙ

Hưởng lợi một mình tất sẽ bị người oán ghét,

謀不可眾

Mưu bất khả chúng,

MƯU KHÔNG KHÁ NHIỀU

Mưu sự không thể bàn tính với nhiều người,

眾謀則泄

Chúng mưu tắc tiết.

NHIỀU MƯU THỜI LỘ

Nhiều người biết thì mưu sự sẽ bị tiết lộ.

Lợi chung đừng có nên riêng,
Mình riêng cầu lợi tất nhiên tan tành,
Mưu việc kín một mình mình biết,
Bàn đông người sẽ tiết lộ ra.

成事不說

Thành sự bất thuyết,

XONG VIỆC CHẲNG NÓI

Việc đã xong không nên nói đi nói lại,

意莫強求

Ý mạc cưỡng cầu,

Ý CHỚ GUỘNG CẦU

Điều khó thực hiện theo ý mình, đừng cố làm,

人無妄交

Nhân vô vọng giao,

NGƯỜI KHÔNG CẦN CHƠI

Người không ra gì, chớ có giao du bừa bãi,

足無妄走

Túc vô vọng tẩu,

CHÂN KHÔNG CẦN CHẠY

Chân tay nhàn rồi, chớ có chơi bời dông dài,

Việc đừng kể chuyện đã qua,
Ý đừng miễn cưỡng hóa ra cơ cầu,
Đừng đàn đúm bạn bầu kẻ xấu,
Đừng dông dài bôn tẩu lần mò,

食 無 求 飽

Thực vô cầu bão,

ĂN KHÔNG CẦU NO

Người quân tử: Ăn không cầu được no thừa,

居 無 求 安

Cư vô cầu an,

Ở KHÔNG CẦU YÊN

Ở không cầu được sung sướng,

無 鬭 口 舌

Vô đấu khẩu thiệt,

KHÔNG GANH MIỆNG LƯỖI

Không ganh đua cãi cọ,

無 起 爭 端

Vô khởi tranh đoan.

KHÔNG DẤY TRANH MỐI

Không gây gổ tranh giành.

Ăn đừng cố ý cầu no,
Ở đừng cố ý cầu cho yên lành,
Đừng gây mối tranh giành phải trái,
Đừng điều đi tiếng lại sự sinh.

於我善者

Ư ngã thiện giả,
VỚI TA TỐT ẤY
Người ta đối với mình tốt,

我亦善之

Ngã diệc thiện chi,
TA CÙNG TỐT Đấy
Mình phải đối tốt với người ta,

於我惡者

Ư ngã ác giả,
VỚI TA XẤU ẤY
Người ta đối với mình xấu,

我亦善之

Ngã diệc thiện chi,
TA CÙNG TỐT Đấy
Mình vẫn đối tốt với người ta.

Người ta đối đãi với mình
Lành thì ta giả lại lành cho ngang,
Nếu gặp kẻ phũ phàng tàn tệ,
Ta cứ nên tử tế hiền lành,

我有善念

Ngã hữu thiện niệm,

TA CÓ TỐT NGHĨ

Trong tâm mình có ý niệm lương thiện,

天必隨之

Thiên tất tùy chi,

TRỜI ẮT THEO ĐẤY

Ông trời sẽ phù giúp,

彼既為惡

Bỉ kí vi ác,

KIA ĐÃ LÀM ÁC

Kẻ kia làm những việc ác,

有惡人治

Hữu ác nhân trị.

CÓ ÁC NGƯỜI TRỊ

Sẽ có người ác trừng trị.

Lòng mình mình tự tin mình,
Tấm son đã sẵn giờ xanh cũng chiều,
Kìa những kẻ làm điều hung ác,
Sẽ gặp tay người khác không tha.

聞人之謗

Văn nhân chi báng,

NGHE NGƯỜI CHUNG MĨA

Dẫu nghe thấy những lời nói chê bai mai mỉa,

口不得言

Khẩu bất đắc ngôn,

MIỆNG KHÔNG CẦN NÓI

Hãy giữ miệng chẳng cần phải nói lại,

聞人之惡

Văn nhân chi ố,

NGHE NGƯỜI CHUNG GIỀM

Dẫu nghe thấy những lời nói gièm pha xúc phạm,

心不足怒

Tâm bất túc nộ.

LÒNG KHÔNG ĐÁNG GIẬN

Cũng chẳng đáng để trong lòng phải bức bối.

**Miệng đừng nói xấu người ta,
Lòng đừng giận kẻ gièm pha chê mình.**

惡人勿罵

Ác nhân vật mạ,
DỮ NGƯỜI CHỖ MẮNG
Chớ mắng chửi kẻ hung dữ,

窮人勿言

Cùng nhân vật ngôn,
CÙNG NGƯỜI CHỖ NÓI
Chớ nói nặng kẻ cùng đường,

若起爭端

Nhược khởi tranh đoan,
NẾU DẤY TRANH MỐI
Nếu gây sự tranh giành,

是無智慮

Thị vô trí lự.
ẤY KHÔNG TRÍ LỖ
Đó là hạng người nông cạn.

Kẻ hung ác đừng khinh, đừng mắng,
Cũng không nên nói nặng kẻ cùng,
Nếu còn tranh của, tranh công,
Là không khôn khéo lại không lo lường.

君子謹微

Quân tử cẩn vi,

QUÂN TỬ CẨN NHỎ

Người quân tử cẩn thận từ việc rất nhỏ,

慎其言語

Thận kì ngôn ngữ,

GÌN THỪA NÓI LỜI

Thận trọng từng lời nói,

不干已事

Bất can kỉ sự,

KHÔNG CAN MÌNH VIỆC

Việc không liên quan đến mình,

莫可當頭

Mạc khả đương đầu,

CHẲNG KHẢ ĐƯƠNG ĐẦU

Đừng có đương đầu xen vào.

**Người quân tử cẩn đường ngôn ngữ,
Khi chuyện trò phải giữ từng câu,
Việc người ta chớ đương đầu,**

無益之言

Vô ích chi ngôn,

KHÔNG ÍCH CHUNG NÓI

Những câu nói không mang lại ích lợi gì,

自休著口

Tự hưu trước khẩu.

TỰ THÔI RA MIỆNG

Thì giữ mồm giữ miệng chớ có nói ra.

寡言擇交

Quả ngôn trạch giao,

ÍT NÓI CHỌN CHƠI

Người nói năng khiêm tốn, ít thể hiện mình, nên chọn mà chơi,

多言勿結

Đa ngôn vật kết,

NHIỀU LỜI CHỚ KẾT

Người nói nhiều, khoe khoang khoác lác, chớ có kết bạn,

Những điều vô ích không hầu nói qua.

**Nghe lời nói, để ta đoán xét,
Người lắm điều đừng kết bạn chơi,**

多言是譎

Đa ngôn thị quyết,

NHIỀU LỜI ẤY QUYẾT

Nhiều lời khoe khoang là loại xảo quyết,

寡言是忠

Quả ngôn thị trung,

ÍT NÓI ẤY NGAY

Khiêm tốn ít nói là người trung thực,

一言不中

Nhất ngôn bất trúng,

MỘT LỜI KHÔNG TIN

Một lời nói không đáng tin,

千言無用

Thiên ngôn vô dụng,

NGHÌN LỜI KHÔNG DÙNG

Thì nghìn lời trở thành vô dụng,

Một lời nói chẳng tin rồi,
Trăm nghìn lời cũng là lời bỏ đi,

讒言勿信

Sàm ngôn vật tín,

GIỀM NÓI CHỚ TIN

Đừng tin những lời gièm pha nói xấu người khác,

反側勿行

Phản trắc vật hành,

PHẢN TRẮC CHỚ LÀM

Đừng làm những việc phản trắc trái lương tâm,

去食去兵

Khứ thực khứ binh,

BỎ ĂN BỎ BINH

Bỏ ăn chơi, bỏ binh khí,

信不可去

Tín bất khả khứ.

TÍN KHÔNG KHÁ BỎ

Không thể bỏ chữ "tín"

Lời ton hót tin gì sàm báng,
Làm những điều phản gián sao đành,
Bỏ việc ăn, bỏ việc binh,
Bỏ điều thành tín của mình sao đành.

察其言語

Sát kì ngôn ngữ,

XÉT THỪA LỜI NÓI

Xét lời nói để đánh giá tính cách,

觀其眸子

Quan kì mâu tử,

XEM THỪA CON NGƯỜI

Xem người con mắt để phân biệt lòng người,

白眼者凶

Bạch nhãn giả hung,

TRẮNG MẮT ẤY XẤU

Mắt trắng dã là người xấu xa,

黑眼者善

Hắc nhãn giả thiện.

ĐEN MẮT ẤY LÀNH

Mắt đen láy là người lương thiện.

**Nghe lời nói, trông lên con mắt,
Đen là lành, trắng ắt là hung.**

有心無相

Hữu tâm vô tướng,

CÓ TÂM KHÔNG TƯỚNG

Người có "tâm" tốt, nhưng "tướng" hình không đẹp,

相隱心生

Tướng ẩn tâm sinh,

TƯỚNG ẨN TÂM SINH

Đó là "tướng" ẩn, tướng sẽ theo "tâm" biểu hiện ra ngoài,
phong thái dàng hoàng tươi vui,

有相無心

Hữu tướng vô tâm,

CÓ TƯỚNG KHÔNG TÂM

Người tuy "tướng" hình đẹp đẽ, nhưng "tâm" xấu,

相隨心滅

Tướng tùy tâm diệt,

TƯỚNG THEO TÂM MẤT

Vì vô "tâm" nên "tướng" sẽ theo "tâm" mà bị diệt,
mất dần vẻ đẹp trở nên cau có tiều tụy.

Tâm điên có, tướng mạo không,
Dần dần tướng ở trong lòng sinh ra,
Tướng mạo có, lòng ta không có,
Tướng theo tâm rồi đó mất ngay,

順德者昌

Thuận đức giả xương,

THEO ĐỨC ẤY THỊNH

Thuận theo đạo đức sẽ thịnh vượng,

逆德者亡

Nghịch đức giả vong.

TRÁI ĐỨC ẤY MẤT

Trái ngược đạo đức sẽ suy vong.

舌柔能存

Thiệt nhu năng tồn,

LƯỠI MỀM HAY CÒN

Lưỡi mềm thường còn mãi,

齒剛則折

Xỉ cương tắc chiết.

RĂNG CỨNG THỜI GẦY

Răng tuy cứng mà vẫn gãy.

Thuận đường đức nghĩa thì hay,
Trái đường đức nghĩa tới ngày diệt vong.

君子遇貧

Quân tử ngộ bần,

QUÂN TỬ GẶP NGHÈO

Người quân tử dù gặp cảnh nghèo khó,

守其禮義

Thủ kì lễ nghĩa,

GIỮ THỪA LỄ NGHĨA

Vẫn giữ trọn vẹn khuôn phép lễ nghĩa,

小人乍富

Tiểu nhân sạ phú,

TIỂU NHÂN CHỢT GIÀU

Kẻ tiểu nhân chợt nổi giàu có,

自妄輕人

Tự vọng khinh nhân.

TỰ CÀN KHINH NGƯỜI

Tự kiêu ngạo mạn khinh rẻ mọi người.

Người quân tử, tấm lòng quân tử,
Gặp lúc nghèo vẫn giữ lễ nghi,
Tiểu nhân giàu xổi một thì,
Buông lòng túng tứ nhiều khi khinh người.

飲食之人

Ẩm thực chi nhân,

UỐNG ĂN CHUNG NGƯỜI

Những người ham ăn tục uống,

人皆賤之

Nhân giai tiện chi,

NGƯỜI ĐỀU KHINH ĐẤY

Đều bị mọi người coi thường,

好利之人

Hiếu lợi chi nhân,

HÁM LỢI CHUNG NGƯỜI

Những người tham của hám lợi,

人皆惡之

Nhân giai ố chi.

NGƯỜI ĐỀU GHÉT ĐẤY

Đều bị mọi người khinh ghét.

**Ham ăn uống, còn người nào trọng,
Hiếu lợi kia, người cũng ghét hoài.**

情

頻來易疏

Tần lai dị sơ,
NĂNG LẠI DỄ XA

Qua lại chơi bởi nhiều quá, dễ sinh nhạt nhẽo coi thường nhau,

久坐易厭

Cửu tọa dị yếm.
LÂU NGỒI DỄ CHÁN

Ngồi chơi lâu quá, dễ làm cho người ta chán ghét.

75

Ưa gì những kẻ ngồi dai,
Thân gì những kẻ vắng lai nhiều lần.

以 小 人 心

Dĩ tiểu nhân tâm,
LẤY TIỂU NHÂN LÒNG
Đem "lòng" kẻ tiểu nhân,

度 君 子 腹

Đạc quân tử phúc,
ĐO QUÂN TỬ BỤNG
Để đo "bụng" người quân tử,

君 子 所 爲

Quân tử sở vi,
QUÂN TỬ THỬA LÀM
Những việc làm của người quân tử,

小 人 不 識

Tiểu nhân bất thức.
TIỂU NHÂN KHÔNG BIẾT
Kẻ tiểu nhân sao có thể hiểu được.

**Lòng quân tử, tiểu nhân dò xét,
Công việc làm dễ biết được đâu.**

聖人積德

Thánh nhân tích đức,

THÁNH NHÂN CHỨA ĐỨC

Bậc Thánh nhân tích đức, hành thiện giáo hoá giúp đời,

不積其財

Bất tích kì tài,

KHÔNG CHỨA THỪA CỦA

Chứ không tích của cải vật chất,

君子謀道

Quân tử mưu đạo,

QUÂN TỬ MUU ĐẠO

Người Quân tử mưu đạo, lo những việc lớn,

不謀其食

Bất mưu kì thực.

KHÔNG MUU THỪA ĂN

Chứ không mưu cầu việc ăn chơi.

Thánh nhân tích đức làm đầu,
Há rằng tích của làm giàu chắt chiu,
Người quân tử chỉ mưu về đạo,
Không phải mưu về gạo về tiền.

非己之色

Phi kỉ chi sắc,

CHẲNG MÌNH CHUNG SẮC

Sắc đẹp bên ngoài, không phải vợ mình,

君子不淫

Quân tử bất dâm,

QUÂN TỬ KHÔNG DÂM

Người đàn ông không màng tới,

非己之財

Phi kỉ chi tài,

CHẲNG MÌNH CHUNG CỦA

Vật chất bên ngoài, không phải của mình,

君子不取

Quân tử bất thủ,

QUÂN TỬ KHÔNG LẤY

Người đàn ông không chiếm lấy.

Vợ người dù đẹp như tiên,
Không bao giờ nghĩ quàng xiên dâm tà,
Tiền bạc của người ta cũng vậy,
Không tơ hào một mảy một phân,

不義而富

Bất nghĩa nhi phú,
BẤT NGHĨA MÀ GIÀU
Giàu có từ của cải bất nghĩa,

視如浮雲

Thị như phù vân.
COI NHƯ NỔI MÂY
Coi như đám mây nổi.

救急賑貧

Cứu cấp chẩn bần,
CỨU GẤP CHO NGHÈO
Cứu người khi nguy cấp, giúp người lúc nghèo khó,

寬則得眾

Khoan tắc đắc chúng.
RỘNG THỜI ĐƯỢC NHIỀU
Có tấm lòng khoan dung sẽ được lòng mọi người.

**Kẻ giàu bất nghĩa, bất nhân,
Cũng coi như áng phù vân giữa trời.**

79

**Cấp cứu nạn, giúp người cùng túng,
Lượng khoan dung dân chúng vui lòng,**

平時講武

Bình thời giảng võ,

BÌNH THỜI GIẢNG VÕ

Sống trong thời thái bình nên giảng tập võ nghệ, rèn luyện thân thể,

亂世讀書

Loạn thế đọc thư,

LOẠN ĐỜI ĐỌC SÁCH

Sống trong đời loạn lạc càng nên đọc sách, trau dồi nhân nghĩa,

君子見幾

Quân tử kiến cơ,

QUÂN TỬ THẤY CƠ

Người quân tử nhận thấy sự việc phát sinh từ lúc mới manh nha,

不待終日

Bất đãi chung nhật.

CHẲNG ĐỢI HẾT NGÀY

Mau chóng giải quyết cho tốt đẹp, không chần chừ đợi đến ngày mai.

Thời bình tập giảng binh nhung,
Gặp khi thời loạn, gắng công sách đèn,
Quân tử thấy rồi ren sắp tới,
Đứng dậy ngay chẳng đợi qua ngày.

窮中必達

Cùng trung tất đạt,

CÙNG TRONG ẤT ĐẠT

Trong lúc bế tắc thường sẽ có cách giải quyết cho được thông suốt,

否極泰來

Bĩ cực thái lai,

XẤU TỆT TỐT TỚI

Thời vận xấu đến cùng tốt sẽ mở ra thời vận tốt,

但患無才

Đãn hoạn vô tài,

CHỈ LO KHÔNG TÀI

Chỉ lo không có tài năng,

不患無用

Bất hoạn vô dụng,

CHẲNG LỖ KHÔNG DÙNG

Chẳng lo không có chỗ dùng,

Tuần hoàn hết dở, đến hay,
Cuối hồi bĩ cực, tới ngày thái lai,
Chỉ lo sợ ta tài hèn kém,
Chẳng lo đời không kén dùng ta,

事 無 妄 動

Sự vô vọng động,

VIỆC KHÔNG CẦN LÀM

Công việc phải chu đáo chớ có làm bừa,

心 無 妄 思

Tâm vô vọng tư.

TÂM KHÔNG CẦN NGHĨ

Trong lòng chớ nên nghĩ đến những điều sằng bậy.

官 不 在 愚

Quan bất tại ngu,

QUAN KHÔNG Ở NGU

Quan cao đâu tới kẻ ngu dốt,

富 不 在 懶

Phú bất tại lãn.

GIÀU KHÔNG Ở LƯỜI

Giàu sang đâu tới kẻ biếng lười.

**Việc đừng càn rỡ làm qua,
Bụng đừng càn rỡ, nghĩ ra làm gì.**

82

**Quan nào phải ngu si những kẻ,
Giàu ở đâu những kẻ biếng lười.**

自知分者

Tự tri phận giả,

TỰ BIẾT PHẬN ẤY

Nên tự biết bằng lòng với thân phận của mình,

不可怨人

Bất khả oán nhân,

KHÔNG KHÁ OÁN NGƯỜI

Đừng oán người này, trách người kia,

自知命者

Tự tri mệnh giả,

TỰ BIẾT MỆNH ẤY

Nên tự biết bằng lòng với vận mệnh của mình,

不可怨天

Bất khả oán thiên.

KHÔNG KHÁ OÁN TRỜI

Đừng oán trời trách đất.

**Biết phận mình, chớ oán người,
Biết mệnh mình, chớ oán trời làm chi.**

知止常止

Tri chỉ thường chỉ,

BIẾT DỪNG THƯỜNG DỪNG

Sự việc đến lúc cần dừng lại, nên biết dừng lại,

終身不恥

Chung thân bất sỉ,

SUỐT ĐỜI KHÔNG HỔ

Suốt đời chẳng lo hổ thẹn với ai,

知足常足

Tri túc thường túc,

BIẾT ĐỦ THƯỜNG ĐỦ

Cuộc sống tự thoả mãn với mình, biết tự cho là đủ,

終身不辱

Chung thân bất nhục.

SUỐT ĐỜI KHÔNG NHỤC

Suốt đời không bao giờ bị khinh bị nhục.

Biết thôi, cứ thôi đi là quý,

Trọn đời không chịu sỉ với ai,

Đủ rồi biết đủ thời thôi,

Trọn đời không phải lòi thôi nhục nhằn.

明明皇祖

Minh minh Hoàng Tổ,

RÕ RÀNG HOÀNG TỔ
Lời Hoàng Tổ còn rất rõ,

垂訓五目

Thùy huấn ngũ mục,

RỦ DẠY NĂM MỤC
Dạy nhớ kỹ năm điều:

內作色荒

Nội tác sắc hoang,

TRONG LÀM SẮC HOANG
-Sắc dục hoang toàng,

外作禽荒

Ngoại tác cầm hoang,

NGOÀI LÀM CẦM HOANG

-Chơi bời đông dài ham thú săn bắn chim muông, gà chọi,...

Lời Hoàng Tổ khuyên răn trong sách,

Có năm điều minh bạch rõ ràng,

Một là sắc dục hoang toàng,

Hai là săn bắn mê man đêm ngày,

甘酒嗜音

Cam tửu thị âm,

SAY RUỢU MÊ HÁT

-Nghiện ngập rượu chè ăn uống, -Mê tới xưởng ca âm nhạc,

峻宇雕牆

Tuấn vũ điêu tường,

CAO NHÀ TRẠM TƯỜNG

-Trang hoàng nhà cao tường trạm, xa hoa phô trương,

有一于此

Hữu nhất vu thử,

CÓ MỘT CHUNG ẤY

Phạm một điều trong số đó,

未或不亡

Vị hoặc bất vong.

CHƯA CHẮC KHÔNG MẤT

Sắp đến lúc suy vong.

**Ba đắm rượu, bốn say âm nhạc,
Năm trang hoàng lầu gác rộng cao,
Trong năm điều, phạm điều nào,
Nước nào cũng mất, nhà nào cũng tan.**



訓子義方

Huấn tử nghĩa phương,

DẠY CON NGHĨA PHÉP

Dạy con cháu biết lẽ phải trái để làm người,

失孝者八

Thất hiếu giả bát,

TRÁI HIẾU ẤY TÁM

Có tám điều trái với đạo hiếu:

**Dạy con cháu nghĩa phương cốt yếu,
Có tám điều thất hiếu rành rành,**

縱身慵懶

Túng thân dung lãn,

BUÔNG MÌNH BIẾNG LƯỜI

-Sống buông thả lười nhác,

學問不勤

Học vấn bất cần,

HỌC HỎI KHÔNG SIÊNG

-Không chăm chỉ học hành,

賭博亡身

Đổ bạc vong thân,

CỜ BẠC LIỀU MÌNH

-Cờ bạc đông dài hư thân,

酒色爭鬪

Tửu sắc tranh đấu,

RUỢU SẮC TRANH ĐÁNH

-Say rượu mê sắc, gây gổ, đánh nhau,

Ham cờ bạc, bỏ học hành,
Say mê tửu sắc, tranh giành đánh nhau,

盜偷奔走

Đạo thâu bôn tẩu,
TRỘM CẮP TRỐN CHẠY
-Trộm cắp trốn chui trốn lủi,

爭訟敗家

Tranh tụng bại gia,
THUA KIẾN NÁT NHÀ
-Tranh giành kiện tụng gây nát nhà,

宗族不和

Tông tộc bất hoà,
HỌ HÀNG KHÔNG HOÀ
-Không hoà thuận với họ hàng gia tộc,

父母不愛

Phụ mẫu bất ái.
CHA MẸ KHÔNG YÊU
-Không yêu thương phụng dưỡng cha mẹ.

Theo trộm cướp đi đâu đi đấy,
Trong gia đình lại dấy tụng đoan,
Cửa nhà đại bại tan hoang,
Mẹ cha chẳng kính, họ hàng chẳng thân.

知過而改

Tri quá nhi cải,
BIẾT LỖI MÀ ĐỔI
Nhận ra lỗi lầm mà sửa đổi,

亦可謂賢

Diệc khả vị hiền,
CŨNG KHÁ RẰNG HIỀN
Cũng xứng đáng là người hiền đức,

有過不改

Hữu quá bất cải,
CÓ LỖI KHÔNG SỬA
Có lỗi mà không chịu sửa đổi,

失孝尤大

Thất hiếu vu đại.
TRÁI HIẾU CÀNG TỘI
Tội thất hiếu càng lớn.

Nếu nhầm lỗi biết dần sửa lại,
Con người kia cũng gọi khá thay,
Lỗi mà không đổi mấy may,
Trong điều bất hiếu tội này càng to.

教女之法

Giáo nữ chi pháp,
DẠY GÁI CHUNG PHÉP
Phương pháp dạy con gái,

先正其身

Tiên chính kì thân,
TRƯỚC NGAY THỬA MÌNH
Trước tiên phải giữ mình chuyên chính,

婦人妊娠

Phụ nhân nhâm thân,
ĐÀN BÀ CÓ MANG
Đàn bà trong kỳ thai nghén có chữa,

須宜謹慎

Tu nghi cẩn thận,
CẦN NÊN CẨN THẬN
Càng nên giữ gìn cẩn thận,

**Dạy con gái dạy cho chính đạo,
Cách sửa mình phải hiểu lễ nghi,
Đàn bà thai nghén tới kỳ,**

勿食惡肉

Vật thực ác nhục,

CHỖ ĂN XẤU THỊT

Không ăn thực phẩm kém chất lượng,

勿聽哀聲

Vật thính ai thanh,

CHỖ NGHE THƯƠNG TIẾNG

Không nghe âm nhạc buồn não bi thương,

正道而行

Chính đạo nhi hành,

NGAY ĐƯỜNG MÀ ĐI

Hành động cư xử ngay thẳng đàng hoàng,

口無邪說

Khẩu vô tà thuyết,

MIỆNG KHÔNG VẠY NÓI

Miệng không nói những điều dối trá điều ngoa,

Ăn gì ác nhục, nghe gì ác thanh,
Đi đường thẳng, đừng quanh lối tắt,
Đừng nói điều đơm đặt gian tà,

飲食失節

Ẩm thực thất tiết,

UỐNG ĂN TRÁI TIẾT

Nếu ăn uống thất thường không hợp vệ sinh,

居處失常

Cư xứ thất thường,

Ở NƠI TRÁI THƯỜNG

Nơi ở không ổn định, ồn ào bộn bề trống trải,

外感內傷

Ngoại cảm nội thương,

NGOÀI CẢM TRONG THƯƠNG

Dễ bị cảm cúm đau yếu,

病生多滯

Bệnh sinh đa trệ.

BỆNH SINH NHIỀU TRỆ

Sinh ra nhiều chứng bệnh.

Bữa ăn, nơi ở thất hòa,
Nội thương, ngoại cảm sinh ra bệnh tình.

女子不學

Nữ tử bất học,

CON GÁI CHẲNG HỌC

Con gái không học,

不知禮義

Bất tri lễ nghĩa,

CHẲNG BIẾT LỄ NGHĨA

Không biết khuôn phép lễ nghĩa,

男子不學

Nam tử bất học,

CON TRAI CHẲNG HỌC

Con trai không học,

不知事理

Bất tri sự lý.

CHẲNG BIẾT VIỆC NHÈ

Không biết phân biệt lẽ phải trái.

**Trai với gái học hành chẳng biết,
Nghĩa lý kia mờ mịt đó mà.**

讀書求理

Độc thư cầu lí,

ĐỘC SÁCH TÌM NHỀ

Độc sách để tìm cái lẽ làm sao cho đúng,

造燭求明

Tạo chúc cầu minh,

DỤNG ĐUỐC TÌM SÁNG

Thắp đuốc để tìm ánh sáng,

子孫雖賢

Tử tôn tuy hiền,

CON CHÁU DẪU HIỀN

Con cháu tuy ngoan hiền,

不教不明

Bất giáo bất minh.

KHÔNG DẠY KHÔNG RÕ

Không được dạy sẽ không mở mang trí tuệ.

**Học hành cho sáng mắt ra,
Như gương bó đuốc cả nhà sáng choang,
Dẫn con cháu nét ngoan tài giỏi,
Chẳng bảo ban có giỏi được nao,**

弓 劍 不 學

Cung kiếm bất học,

CUNG GƯƠM KHÔNG HỌC
Không học cung học kiếm,

不 知 張 舞

Bất tri trương vũ,

KHÔNG BIẾT GIƯƠNG MÚA
Sẽ không biết giương cung múa kiếm,

文 字 不 學

Văn tự bất học,

VĂN CHỮ KHÔNG HỌC
Không học chữ nghĩa, văn chương,

不 知 畫 書

Bất tri họa thư,

KHÔNG BIẾT VẼ VIẾT
Sẽ không biết viết chữ, vẽ tranh,

Gươm không học, múa làm sao,
Cung không học, biết đẳng nào mà giương?
Thư với họa hai đường không học,
Vẽ sao nên, viết, đọc sao nên,

藥 性 不 學

Dược tính bất học,

THUỐC TÍNH KHÔNG HỌC

Không học dược tính,

不 知 醫 方

Bất tri y phương,

KHÔNG BIẾT CHỮA BỆNH

Sẽ không biết kê đơn bốc thuốc chữa bệnh,

禮 樂 不 學

Lễ nhạc bất học,

LỄ NHẠC KHÔNG HỌC

Không học lễ nhạc,

不 知 祭 祀

Bất tri tế tự.

KHÔNG BIẾT TẾ LỄ

Sẽ không biết tế lễ.

Y mà dược tính không quen,
Dược phương không biết khó nên ông thầy,
Lễ với nhạc xưa nay không đọc,
Tế tự kia, tị ngục biết gì.

萬頃良田

Vạn khoảnh lương điền,

MUÔN THỪA TỐT RUỘNG

Dù được kế thừa gia tài điền sản hàng vạn thừa,

不如薄藝

Bất như bạc nghệ,

CHẲNG BẰNG MỘT NGHỀ

Cũng không bằng có một nghề nho nhỏ trong tay
để tự kiếm sống phòng khi cơ nhỡ,

千金遺子

Thiên kim di tử,

NGHÌN VÀNG CHO CON

Ông cha dù có để lại nghìn vàng của cải,

不如一經

Bất như nhất kinh.

KHÔNG BẰNG MỘT SÁCH

Cũng không bằng một quyển [Minh Đạo Gia Huấn]
dạy cháu con thấm nhuần đạo lý làm người.

**Ruộng nhà muôn khoảnh nhiều phì,
Sao bằng nho nhỏ một nghề trong tay,
Cho con vàng một rương đầy,
Sao bằng cho quyển sách hay để giành.**



**Cuộc sống có hàng trăm nghề,
Phải lấy việc học làm đầu,
Dù được kế thừa gia tài điền sản hàng vạn thửa,
Cũng không bằng có một nghề nho nhỏ trong tay
để tự kiếm sống phòng khi cơ nhỡ,
Ông cha dù có để lại nghìn vàng của cải,
Cũng không bằng một quyển [Minh Đạo Gia Huấn]
dạy cháu con thấm nhuần đạo lý làm người.**

丁酉年冬
學佛弟子阮文權恭敬撰述

文字不學

藥性不學

禮樂不學

萬頃良田

千金遺子

不知畫書

不知醫方

不知祭祀

不如薄藝

不如一經

女子不學

男子不學

讀書求理

子孫雖賢

弓劍不學

不知禮義

不知事理

造燭求明

不教不明

不知張舞

婦人妊娠

勿食惡肉

正道而行

飲食失節

外感內傷

須宜謹慎

勿聽哀聲

口無邪說

居處失常

病生多滯

盜偷奔走

宗族不和

知過而改

有過不改

教女之法

爭訟敗家

父母不愛

亦可謂賢

失孝尤大

先正其身

甘酒嗜音

有一于此

訓子義方

縱身慵懶

賭博亡身

峻宇雕牆

未或不亡

失孝者八

學問不勤

酒色爭鬪

自知命者

知止常止

知足常足

明明皇祖

內作色荒

不可怨天

終身不恥

終身不辱

垂訓五目

外作禽荒

窮中必達

但患無才

事無妄動

官不在愚

自知分者

否極泰來

不患無用

心無妄思

富不在懶

不可怨人

非己之財

不義而富

救急賑貧

平時講武

君子見幾

君子不取

視如浮雲

寬則得眾

亂世讀書

不待終日

以小人心

君子所爲

聖人積德

君子謀道

非己之色

度君子腹

小人不識

不積其財

不謀其食

君子不淫

君子遇貧

小人乍富

飲食之人

好利之人

頻來易疏

守其禮義

自妄輕人

人皆賤之

人皆惡之

久坐易厭

白眼者凶

有心無相

有相無心

順德者昌

舌柔能存

黑眼者善

相隱心生

相隨心滅

逆德者亡

齒剛則折

多言是譎

一言不中

讒言勿信

去食去兵

察其言語

寡言是忠

千言無用

反側勿行

信不可去

觀其眸子

若起爭端

君子謹微

不干己事

無益之言

寡言擇交

是無智慮

慎其言語

莫可當頭

自休著口

多言勿結

我有善念

彼既爲惡

聞人之謗

聞人之惡

惡人勿罵

天必隨之

有惡人治

口不得言

心不足怒

窮人勿言

人無妄交

足無妄走

食無求飽

居無求安

無鬭口舌

無起爭端

於我善者

我亦善之

於我惡者

我亦善之

小利若貪

小事不忍

利不可獨

謀不可眾

成事不說

不成大事

必亂大謀

獨利則仇

眾謀則泄

意莫強求

斥而遠之

愛賢如蘭

城中失火

危邦不入

兵革之間

終自免禍

畏惡如虎

禍及池魚

亂邦不居

守身爲大

人間囚獄

天下公侯

近硃者赤

賢德之人

終自有益

還是無良

皆由有德

近墨者黑

親而近之

凶惡之人

益己害人

人心如鐵

文法不孤

人無遠慮

謹則無憂

明有王憲

官法如爐

殺人者死

必有近憂

忍則無辱

欲知禍福

自家而知

刻深太甚

煩慮多思

陰謀嫁禍

先看兒孫

何必問誰

沉病難醫

心神勞竭

暗有鬼神

皇天不負

傷人之語

用心不良

父母行惡

禍福無門

有好心人

反是傷身

豈無果報

遺害子孫

惟人自召

若還不報

種瓜得瓜

天網恢恢

皇天不負

皇天不負

時辰未到

種豆得豆

疏而不漏

有讀書人

有道心人

積善逢善

仔細思量

仁厚逢厚

謀深禍深

善有善報

積惡逢惡

天地不錯

處處相逢

冤冤相報

惡有惡報

饑寒切身

自先責己

含血噴人

惡言出口

善念於心

不顧廉恥

而後責人

先汙其口

凶神鑑臨

吉祥自現

勿恃富貴

恃富輕貧

窮人勿罵

鳥窮則飛

人貪財死

自輕其貧

守錢虜耳

窮寇勿追

犬窮則吠

鳥貪食亡

小人自驕

無惡小人

財上分明

貧而無諂

清貧常樂

恃才矜己

是爲君子

是爲丈夫

富而無驕

濁富多憂

居必擇鄰

患難相救

用人勿疑

用人不謹

小人失意

交必擇友

過失相規

疑人勿用

害隨而至

起爲仇讎

取重於人

莫效小人

可效君子

苟無野人

苟無君子

是重其身

惡人勝己

成人之美

莫養君子

莫治野人

子果賢矣

後必富貴

今雖富貴

骨肉貧者

他人富者

今雖貧賤

子不肖矣

後必貧賤

情不可疏

心不可惡

道德遺之

本固枝長

不孝有三

有親不愛

求其弟聽

子孫者昌

流傳萬代

無後爲大

有兄不敬

豈可得乎

慾不可縱

慾縱成災

樂不可極

樂極生哀

女勿貪財

男勿好色

色易殺人

財易殺身

術詐遺之

子孫者亡

不忠之人

女之守節

賢妻家寶

男貴忠勤

教婦初來

羞以爲臣

猶士守身

賢臣國珍

女貴貞順

教子嬰孩

孽妻敗嗣

巧譎是邪

婦人內助

賢女敬夫

不正之女

妒婦亂家

驕訛是詐

盛衰之由

癡人畏婦

羞以爲妻

清潔閨房

寡言謹厚

德行表儀

子資母德

子孝孫慈

主饋蘋藻

執順唱隨

不須顏色

女出宮妃

妻賢子貴

事無大小

財產分明

莫愛珠玉

和睦爲先

婚姻擇配

不可爭衡

均給群眾

愛子孫賢

誠爲好俗

先看家風

家中有琴

家中有棋

家中有制

人而無禮

百行爲先

女子必淫

男子必衰

男女守禮

安可謂賢

惟禮與孝

夫婦忍之

兄弟忍之

朋友忍之

自身忍之

家中賭博

令子不孤

家中無害

其情不疏

人人愛樂

男女皆惡

立身行道

以顯父母

欲和上下

君臣忍之

父子忍之

揚名于後

孝之終也

忍字爲先

國勢保全

自全其道

事親既孝

奉養禮儀

父母尚在

身體髮膚

不敢毀傷

子亦孝之

莫避污穢

不可遠遊

受之父母

孝之始也

得榮思辱

道高德重

積穀防饑

儉則常足

謹備防奸

居安思危

不恥弊衣

積衣防寒

靜則常安

養子防老

過闕則下

出入起居

言語飲食

修身寡慾

禁止奢華

過廟則趨

非禮不整

非禮不肅

勤儉齊家

須防後用

爲兄止愛

爲夫止和

朋友止信

鄉黨止和

行者讓路

爲弟止恭

爲婦止順

長幼止謙

鄰旁止讓

耕者讓畔

+

不知綱常

蜂蟻有主

三綱九疇

爲君止敬

爲父止慈

九

何異禽獸

況于人乎

古今不易

爲臣止忠

爲子止孝

開卷有益

博學廣問

不恥下問

獨學無友

人有五倫

志者竟成

其智益明

義理益精

孤陋寡聞

綱常爲首

正心修身

士修於家

科目朝爵

貧而勤學

富而勤學

齊家治國

自升於國

有讀書人

可以立身

益榮其名

倉廩空兮

子孫愚兮

凡人不學

聽詩如聳

幼而勤學

歲時乏食

禮義全無

冥如夜行

望字如盲

長則施行

教而後善

教亦不善

困而知之

有田不耕

有書不教

非賢而何

非愚而何

非智而何

倉廩空虛

子孫頑愚

養男不教

養女不教

訓導之初

不知問答

不教而善

不如養驢

不如養豬

先取禮法

是爲愚粗

非聖而何

嚴師作成

可事如一

非君不榮

有道德者

無道德者

人有三情

非父不生

非師不成

子孫聰明

子孫愚昧

教而不嚴

學問不勤

後從先覺

學有三心

父母厚寔

乃師之情

乃子之惡

鑑古知今

不可失一

子學勤敏

人生百藝

儒士是珍

古者聖賢

德行純和

養而不教

文學爲先

詩書是寶

易子而教

擇爲師友

乃父之過

傳家萬事皆由忍

明道家訓

丁酉年冬
學佛弟子撰述

教子千方不外勤

明道家訓